

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG SO SÁNH CÁC QUYẾT ĐỊNH QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI (CŨ) VÀ BÌNH PHƯỚC (CŨ) VÀ DỰ THẢO QUY ĐỊNH THAY THẾ

Quyết định số	Quyết định số	Quyết định số	Dự thảo Quy định thay thế	Thuyết minh
47/2021/QĐ-UBND ngày 26 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định về thẩm quyền quyết định đầu tư; thẩm quyền, trình tự thẩm định dự án đầu tư; thẩm quyền phê duyệt thiết kế và dự toán, thẩm định thiết kế và dự toán đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Quyết định 55/2021/QĐ-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh Đồng Nai quy định cấp giấy phép xây dựng và quản lý công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 14/2023/QĐUBND ngày 06 tháng 4 năm 2023;	18/2022/QĐ-UBND ngày 01 tháng 04 năm 2022 của UBND tỉnh Đồng Nai Ban hành Quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Quyết định số 38/2021/QĐ-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2021 của UBND tỉnh Bình Phước (cũ) Ban hành Quy định về quản lý chất lượng, thi công xây dựng, bảo trì và sự cố công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Phước (cũ)	22/2025/QĐ-UBND ngày 09 tháng 5 năm 2025 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành quy định một số nội dung về quản lý hoạt động trên địa bàn tỉnh Bình Phước (cũ)		

Quyết định số 61/2020/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2020 của UBND tỉnh Đồng Nai Ban hành Quy định quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai				
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh - Quyết định số 47/2021/QĐ-UBND ngày 26/10/2021: a) Quyết định quy định về thẩm quyền quyết định đầu tư; thẩm quyền, trình tự thẩm định dự án đầu tư; thẩm quyền phê duyệt thiết kế và dự toán, thẩm định thiết kế và dự toán dự án đầu tư công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. b) Đối với dự án ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng vốn đầu tư công thì thực hiện theo pháp luật về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước, không thực hiện theo Quyết định này. - Quyết định số 55/2021/QĐ-UBND ngày 01/12/2021 và Quyết định số 14/2023/QĐ-UBND ngày 06/4/2023:	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh - Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND ngày 01/4/2022: Quy định này quy định về trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Ngoài các nội dung phân công, phân cấp tại Quy định này, công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng của Ủy ban nhân dân các cấp, các cơ quan chuyên môn về xây dựng, các cơ quan, tổ chức, cá nhân, các chủ thể tham gia hoạt động xây dựng thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng và các quy định khác của pháp luật có liên quan. - Quyết định số 38/2021/QĐ-UBND ngày 29/9/2021: 1. Quy định này quy định	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Quy định này quy định một số nội dung về quản lý hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Phước, bao gồm: thẩm định, phê duyệt dự án, thiết kế xây dựng, cấp phép xây dựng, quản lý năng lực hoạt động xây dựng và quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Phước.	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Quy định này quy định một số nội dung quản lý nhà nước về hoạt động xây dựng trên địa bàn thành phố Đồng Nai, bao gồm: thẩm định, phê duyệt dự án, thiết kế xây dựng triển khai sau khi dự án được phê duyệt, cấp phép xây dựng, Điều kiện năng lực hoạt động xây dựng và quản lý chất lượng xây dựng, quản lý trật tự xây dựng và công tác kiểm tra trên địa bàn thành phố Đồng Nai (trừ các công trình thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh; dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích theo Luật Di sản văn hóa)	Sửa đổi để tổng hợp lại các quy định để thống nhất ban hành áp dụng về quản lý nhà nước về hoạt động xây dựng trên địa bàn thành phố Đồng Nai

1. Quy định này quy định một số nội dung liên quan đến công tác cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị có liên quan đến công tác cấp giấy phép xây dựng và quản lý công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. 2. Các nội dung khác liên quan đến công tác quản lý xây dựng công trình được thực hiện theo Luật Xây dựng ngày 16 tháng 6 năm 2014 (Viết tắt là Luật Xây dựng năm 2014), Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020 (Viết tắt là Luật số 62/2020/QH14) và các văn bản pháp luật có liên quan. - Quyết định số 61/2020/QĐ-UBND ngày 30/12/2020. Quy định này quy định về nguyên tắc, trách nhiệm, nhiệm vụ và mối quan hệ phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân trong công tác quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật của các tổ chức,	về quản lý chất lượng, thi công xây dựng, bảo trì và sự cố công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Phước. 2. Đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh thực hiện theo quy định của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.			
--	--	--	--	--

cá nhân tham gia hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh.				
Điều 2. Đối tượng áp dụng - Quyết định số 47/2021/QĐ-UBND ngày 26/10/2021: (quy định chung ở Điều 1) Quyết định này áp dụng đối với chủ đầu tư, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động đầu tư, thẩm định dự án đầu tư, quyết định phê duyệt thiết kế và dự toán, thẩm định thiết kế và dự toán dự án đầu tư công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. - Quyết định số 55/2021/QĐ-UBND ngày 01/12/2021 và Quyết định số 14/2023/QĐ-UBND ngày 06/4/2023: Cơ quan quản lý nhà nước, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã, các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước liên quan đến công tác cấp giấy phép xây dựng và quản lý công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai - Quyết định số 61/2020/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 : Các cơ quan nhà nước	Điều 2. Đối tượng áp dụng - Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND ngày 01/4/2022: Quy định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài có liên quan đến quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. - Quyết định số 38/2021/QĐ-UBND ngày 29/9/2021: Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài có liên quan đến quản lý chất lượng, thi công xây dựng, bảo trì và sự cố công trình xây dựng.	Điều 2. Đối tượng áp dụng Quy định này áp dụng đối với các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân liên quan đến quản lý hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Phước.	Điều 2. Đối tượng áp dụng Quy định này áp dụng đối với các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân liên quan đến quản lý hoạt động xây dựng trên địa bàn thành phố Đồng Nai.	Kế thừa các quy định của 2 tỉnh cũ, chỉnh sửa lại địa danh tỉnh mới cho phù hợp

được giao nhiệm vụ quản lý trật tự xây dựng; tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh quy định tại khoản 1 Điều này phải tuân thủ Quy định này và các quy định pháp luật khác có liên quan.				
Điều 5. Thẩm quyền, trình tự thẩm định dự án đầu tư có cấu phần xây dựng (thẩm quyền, trình tự thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng) 1. Thẩm quyền thẩm định của người quyết định đầu tư quy định tại Điều 12 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ. a) Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì thẩm định đối với dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư hoặc do Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư quyết định đầu tư. b) Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện chủ trì thẩm định đối với dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban		Điều 3. Thẩm quyền thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng 1. Cơ quan chuyên môn về xây dựng theo chuyên ngành quản lý quy định tại khoản 1 Điều 17 Quy định này, thực hiện thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng đối với các dự án được quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng (sau đây viết tắt là Nghị định số 175/2024/NĐ-CP). 2. Thẩm quyền thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc UBND cấp tỉnh được quy định tại điểm b khoản 3 Điều 16 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP, thực hiện như sau:	Điều 3. Thẩm quyền thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng 1. Giao thẩm quyền thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được quy định tại khoản 3, khoản 5 Điều 32 và điểm đ khoản 1 Điều 33 Nghị định số 217/2026/NĐ-CP, thực hiện như sau: a) Các Sở: Xây dựng, Công Thương, Nông nghiệp và Môi trường thẩm định các nội dung quy định tại Điều 38 Nghị định số 217/2026/NĐ-CP đối với dự án thuộc chuyên ngành quản lý quy định tại khoản 1 Điều 20 Quy định này (trừ dự án quy định tại điểm b khoản này); b) Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh	Sửa đổi theo quy định tại Nghị định số 217/2026/NĐ-CP và điều chỉnh, bổ sung thêm các quy định về thẩm định PCCC của cơ quan chuyên môn về xây dựng, điều chỉnh phân cấp cho Cơ quan có chức năng quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.

nhân dân cấp xã quyết định đầu tư. 2. Thẩm quyền thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ a) Dự án nhóm A do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư Các cơ quan chuyên môn về xây dựng ở Trung ương thực hiện thẩm định theo quy định tại khoản 1 Điều 13, Điều 109 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng. b) Dự án nhóm B, C do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư hoặc do Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư quyết định đầu tư: Sở Xây dựng thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình hoặc có ý kiến về Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình đối với dự án, công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng dân		a) Các Sở: Xây dựng, Công Thương, Nông nghiệp và Môi trường thẩm định các nội dung quy định tại Điều 18 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP đối với dự án thuộc chuyên ngành quản lý (trừ dự án quy định tại điểm b khoản này); b) Ban Quản lý khu kinh tế chủ trì thẩm định các nội dung quy định tại Điều 18 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP đối với dự án được đầu tư xây dựng trong phạm vi ranh giới quy hoạch được duyệt của các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế được giao quản lý. 3. Giao thẩm quyền thẩm định của người quyết định đầu tư được quy định tại khoản 3 Điều 15 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP đối với dự án do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định đầu tư, cụ thể như sau: a) Các Sở: Xây dựng, Công Thương, Nông nghiệp và Môi trường chủ trì thẩm định các nội dung quy định tại khoản 6 Điều 15 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP đối với dự án thuộc chuyên	tế chủ trì thẩm định các nội dung quy định tại Điều 38 Nghị định số 217/2026/NĐ-CP đối với dự án được đầu tư xây dựng trong phạm vi ranh giới quy hoạch được duyệt của các khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu kinh tế được giao quản lý (bao gồm công trình hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu kinh tế). 2. Giao thẩm quyền thẩm định của người quyết định đầu tư được quy định tại khoản 3 Điều 31 Nghị định số 217/2026/NĐ-CP đối với dự án do Chủ tịch UBND Thành phố quyết định đầu tư, cụ thể như sau: a) Các Sở: Xây dựng, Công Thương, Nông nghiệp và Môi trường chủ trì thẩm định các nội dung quy định tại khoản 6 Điều 31 Nghị định số 217/2026/NĐ-CP đối với dự án thuộc chuyên ngành quản lý quy định tại khoản 1 Điều 20 Quy định này (trừ dự án quy định tại điểm b khoản này); b) Ban Quản lý các	
---	--	--	---	--

dựng; dự án đầu tư xây dựng khu đô thị, khu nhà ở; dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu chức năng; dự án đầu tư xây dựng công nghiệp nhẹ, công nghiệp vật liệu xây dựng, hạ tầng kỹ thuật và đường bộ trong đô thị (trừ đường quốc lộ qua đô thị). Sở Giao thông vận tải thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình hoặc có ý kiến về Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình đối với dự án, công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông (trừ dự án, công trình do Sở Xây dựng thẩm định theo quy định nêu trên). Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình hoặc có ý kiến về Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình đối với dự án, công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn; Sở Công Thương thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng		ngành quản lý (trừ dự án quy định tại điểm b khoản này); b) Ban Quản lý khu kinh tế chủ trì thẩm định các nội dung quy định tại khoản 6 Điều 15 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP đối với dự án được đầu tư xây dựng trong phạm vi ranh giới quy hoạch được phê duyệt của các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế được giao quản lý đối với dự án do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định đầu tư. 4. Phân cấp cho Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc UBND cấp huyện chủ trì thẩm định các nội dung quy định tại khoản 6 Điều 15 và Điều 18 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP đối với dự án do Chủ tịch UBND cấp huyện, Chủ tịch UBND cấp xã quyết định đầu tư.	Khu công nghiệp, Khu kinh tế chủ trì thẩm định các nội dung quy định tại khoản 6 Điều 31 Nghị định số 217/2026/NĐ-CP đối với dự án được đầu tư xây dựng trong phạm vi ranh giới quy hoạch được phê duyệt của các khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu kinh tế được giao quản lý. 3. Giao Sở Tài chính là cơ quan chủ trì thẩm định đối với các dự án PPP quy định tại khoản 2 Điều 31 Nghị định số 217/2026/NĐ-CP do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định đầu tư. 4. Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, đặc khu trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) thực hiện: a) Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đối với các dự án theo quy định tại khoản 1 Điều 32 Nghị định số 217/2026/NĐ-CP do Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư;	
---	--	---	---	--

công trình hoặc có ý kiến về Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình đối với dự án, công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình công nghiệp (trừ dự án, công trình do Sở Xây dựng thẩm định theo quy định nêu trên). Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai, Ban Quản lý Khu công nghệ cao công nghệ sinh học thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình hoặc có ý kiến về Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình đối với dự án được đầu tư tại khu công nghiệp, khu công nghệ cao được giao quản lý. c) Dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư Phòng Kinh tế - Hạ tầng hoặc Phòng Quản lý đô thị cấp huyện tổ chức thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình hoặc có ý kiến về Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình.			b) Thực hiện thẩm quyền thẩm định của người quyết định đầu tư theo quy định tại khoản 3 Điều 31 Nghị định số 217/2026/NĐ-CP đối với các dự án do Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư. 5. Đối với các dự án thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố theo quy định tại khoản 2 Điều 33 Nghị định số 217/2026/NĐ-CP: Giao cơ quan chuyên môn về xây dựng theo chuyên ngành quản lý tại khoản 1 Điều này đề xuất thành lập Hội đồng thẩm định để thực hiện vai trò thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi của cơ quan chuyên môn về xây dựng theo quy định tại Điều 34 Nghị định số 217/2026/NĐ-CP. 6. Đối với các công trình thuộc đối tượng phải thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi của cơ quan chuyên môn về xây dựng và thuộc phụ lục III kèm theo Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2025 của	
--	--	--	--	--

			Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (Sau đây gọi là Nghị định số 105/2025/NĐ-CP) còn phải được Cơ quan chuyên môn về xây dựng theo quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều này thẩm định các nội dung tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP.	
Điều 7. Thẩm quyền thẩm định thiết kế, dự toán hoặc thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở 1. Đối với các dự án không có cấu phần xây dựng a) Đối với dự án sử dụng nguồn vốn cấp tỉnh quản lý: Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì thẩm định trên cơ sở hồ sơ trình thẩm định của chủ đầu tư và ý kiến thẩm định của các sở, ngành có chức năng quản lý nhà nước chuyên ngành, lĩnh vực có liên quan. b) Đối với dự án sử dụng nguồn vốn cấp huyện, cấp xã quản lý: Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì thẩm định trên cơ sở hồ sơ trình thẩm định của chủ		Điều 5. Thẩm quyền thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở của cơ quan chuyên môn về xây dựng 1. Cơ quan chuyên môn về xây dựng theo chuyên ngành quản lý quy định tại khoản 1 Điều 17 Quy định này, thực hiện thẩm định thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở đối với các công trình thuộc dự án được quy định tại khoản 1 Điều 44 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP. 2. Thẩm quyền thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc UBND cấp tỉnh được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 44 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP, thực hiện như sau:	Điều 4. Thẩm quyền thẩm định, phê duyệt dự án chỉ cần lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật 1. Giao thẩm quyền thẩm định dự án chỉ cần lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật của người quyết định đầu tư được quy định tại khoản 2 Điều 27 Nghị định số 217/2026/NĐ-CP đối với dự án do Chủ tịch UBND Thành phố quyết định đầu tư, như sau: a) Các Sở: Xây dựng, Công Thương, Nông nghiệp và Môi trường chủ trì thẩm định các nội dung quy định tại khoản 6 Điều 31 Nghị định số 217/2026/NĐ-CP đối với dự án thuộc chuyên ngành	Sửa đổi theo quy định tại Nghị định số 217/2026/NĐ-CP, điều chỉnh phân cấp cho Cơ quan có chức năng quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã; quy định thẩm quyền phê duyệt dự án chỉ cần lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật

đầu tư và ý kiến thẩm định của các Phòng thuộc cấp huyện liên quan. 2. Đối với dự án có cấu phần xây dựng a) Dự án nhóm A sử dụng nguồn vốn cấp tỉnh quản lý Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5 Quyết định này chủ trì thẩm định trên cơ sở 01 bộ hồ sơ hoàn chỉnh của chủ đầu tư gửi đến theo quy định khoản 3 Điều 37 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính Phủ. b) Dự án nhóm B, C sử dụng nguồn vốn cấp tỉnh quản lý Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 5 Quyết định này chủ trì thẩm định trên cơ sở 01 bộ hồ sơ hoàn chỉnh của chủ đầu tư gửi đến theo quy định khoản 3 Điều 37 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính Phủ. c) Dự án nhóm B, C sử dụng nguồn vốn cấp huyện, cấp xã quản lý Phòng Quản lý đô thị hoặc		a) Các Sở: Xây dựng, Công Thương, Nông nghiệp và Môi trường chủ trì thẩm định các nội dung quy định tại Điều 46 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP đối với dự án thuộc chuyên ngành quản lý (trừ dự án quy định tại điểm b khoản này); b) Ban Quản lý khu kinh tế chủ trì thẩm định các nội dung quy định tại Điều 46 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP đối với dự án được đầu tư xây dựng trong phạm vi ranh giới quy hoạch được duyệt của các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế được giao quản lý. 3. Phân cấp cho Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc UBND cấp huyện chủ trì thẩm định các nội dung quy định tại Điều 46 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP đối với dự án do Chủ tịch UBND cấp huyện, Chủ tịch UBND cấp xã quyết định đầu tư.	quản lý quy định tại khoản 1 Điều 21 Quy định này (trừ dự án quy định tại điểm b khoản này); b) Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế chủ trì thẩm định các nội dung quy định tại khoản 6 Điều 31 Nghị định số 217/2026/NĐ-CP đối với dự án được đầu tư xây dựng trong phạm vi ranh giới quy hoạch được duyệt của các khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu kinh tế được giao quản lý (bao gồm công trình hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu kinh tế); c) Chủ đầu tư thẩm định các nội dung các nội dung theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 7 Điều 31 Nghị định số 217/2026/NĐ-CP. 2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt dự án chỉ yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư xây dựng của Ủy ban nhân dân thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt dự án	
--	--	---	---	--

Phòng Kinh tế hạ tầng chủ trì thẩm định trên cơ sở 01 bộ hồ sơ hoàn chỉnh của chủ đầu tư gửi đến theo quy định khoản 3 Điều 37 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính Phủ.			chỉ yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư xây dựng của Ủy ban nhân dân cấp xã	
Điều 5. Thẩm quyền, trình tự thẩm định dự án đầu tư có cấu phần xây dựng (thẩm quyền, trình tự thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng)		Điều 7. Thẩm quyền thẩm định dự án chỉ cần lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật 1. Dự án đầu tư xây dựng công trình chỉ cần lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng được quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP. 2. Giao thẩm quyền thẩm định dự án chỉ cần lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật của người quyết định đầu tư được quy định tại khoản 3 Điều 15 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP đối với dự án do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định đầu tư, như sau: a) Các Sở: Xây dựng, Công Thương, Nông nghiệp và Môi trường chủ trì thẩm định các nội dung quy định tại khoản 6 Điều 15 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP đối với dự án thuộc chuyên ngành quản lý quy định tại	Điều 5. Thẩm quyền thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau khi dự án được phê duyệt 1. Chủ đầu tư thực hiện thẩm định, kiểm soát và phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau khi dự án được phê duyệt. 2. Đối với dự án PPP quy định tại điểm d khoản 1 Điều 57 Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư được sửa đổi, bổ sung tại khoản 15 Điều 3 Luật số 57/2024/QH15. Giao thẩm quyền thẩm định dự toán xây dựng đối với hạng mục sử dụng vốn đầu tư công của dự án PPP của cơ quan chuyên môn về xây, như sau: a) Các Sở: Xây dựng, Công Thương, Nông nghiệp và Môi trường chủ trì thẩm định các nội dung quy định	Sửa đổi theo quy định tại Nghị định số 217/2026/NĐ-CP, điều chỉnh phân cấp cho Cơ quan chuyên môn của UBND cấp tỉnh; quy định thẩm quyền của chủ đầu tư

		khoản 1 Điều 17 Quy định này (trừ dự án quy định tại điểm b khoản này); b) Ban Quản lý khu kinh tế chủ trì thẩm định các nội dung quy định tại khoản 6 Điều 15 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP đối với dự án được đầu tư xây dựng trong phạm vi ranh giới quy hoạch được duyệt của các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế được giao quản lý đối với dự án do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định đầu tư; 3. Phân cấp cho Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc UBND cấp huyện chủ trì thẩm định dự án chỉ cần lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật với các nội dung quy định tại khoản 6 Điều 15 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP đối với dự án do Chủ tịch UBND cấp huyện, Chủ tịch UBND cấp xã quyết định đầu tư.	tại khoản 4 Điều 16 Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ Quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng (Sau đây gọi là Nghị định số 206/2026/NĐ-CP) đối với dự án thuộc chuyên ngành quản lý quy định tại khoản 1 Điều 21 Quy định này (trừ dự án quy định tại điểm b khoản này); b) Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế chủ trì thẩm định các nội dung quy định tại khoản 4 Điều 16 Nghị định số 206/2026/NĐ-CP đối với dự án được đầu tư xây dựng trong phạm vi ranh giới quy hoạch được duyệt của các khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu kinh tế được giao quản lý đối với dự án do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định đầu tư (bao gồm công trình hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu kinh tế); 3. Đối với dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư, hợp đồng Xây dựng - Chuyên giao (BT) do Ủy ban nhân dân thành	
--	--	--	--	--

			phố Đồng Nai là cơ quan có thẩm quyền: cơ quan ký kết hợp đồng dự án PPP thực hiện thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau khi dự án được phê duyệt và dự toán quy định tại khoản 5 Điều 4 Nghị định số 257/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết về việc thực hiện dự án áp dụng loại hợp đồng Xây dựng – Chuyển giao.	
Điều 3. Thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng 1. Sở Xây dựng cấp giấy phép xây dựng các công trình (trừ các công trình quy định tại khoản 2 và 3 Điều này), bao gồm: a) Công trình cấp đặc biệt, I, II; b) Công trình xây dựng thuộc dự án nằm trên địa bàn 02 huyện; c) Các công trình khác thuộc đối tượng có yêu cầu phải cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh. 2. Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Ban Quản lý Khu công nghệ cao công nghệ sinh học Đồng Nai cấp giấy phép xây dựng đối với các công trình đầu tư		Điều 9. Quy định về thẩm quyền cấp, điều chỉnh, gia hạn, cấp lại và thu hồi giấy phép xây dựng 1. Giao Sở Xây dựng cấp giấy phép xây dựng đối với công trình xây dựng cấp đặc biệt, cấp I, cấp II; nhà ở riêng lẻ và công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng chỉ có công trình cấp III, cấp IV nằm trên địa bàn 02 (hai) đơn vị hành chính cấp huyện trở lên, trừ công trình quy định tại khoản 2 Điều này. 2. Giao Ban Quản lý khu kinh tế cấp giấy phép xây dựng đối với các công trình xây dựng trong ranh giới các quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết khu kinh	Điều 6. Quy định về thẩm quyền cấp, điều chỉnh, gia hạn, cấp lại và thu hồi giấy phép xây dựng 1. Thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng thực hiện theo quy định tại Điều 53 Nghị định 217/2026/NĐ-CP. 2. Sở Xây dựng cấp giấy phép xây dựng các công trình xây dựng thuộc dự án nằm trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên và các công trình khác thuộc đối tượng có yêu cầu phải cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn thành phố mà chưa xác định rõ thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng.	Sửa đổi theo quy định tại Nghị định số 217/2026/NĐ-CP và cập nhật điều chỉnh phân cấp cho Cơ quan có chức năng quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.

xây dựng trong các Khu công nghiệp, Khu công nghệ cao công nghệ sinh học. 3. Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp giấy phép xây dựng công trình cấp III, cấp IV (trừ các công trình quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này) và nhà ở riêng lẻ trên địa bàn do mình quản lý. 4. Trường hợp dự án đầu tư xây dựng gồm nhiều công trình có cấp khác nhau thì cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng công trình cấp cao nhất thực hiện cấp giấy phép xây dựng các công trình còn lại thuộc dự án. 5. Đối với trường hợp điều chỉnh thiết kế xây dựng làm thay đổi cấp công trình dẫn đến làm thay đổi về thẩm quyền điều chỉnh giấy phép xây dựng thì thẩm quyền cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng được xác định theo cấp công trình sau khi điều chỉnh thiết kế. Trong trường hợp cần thiết, cơ quan cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng tổ chức lấy ý kiến cơ quan cấp phép xây dựng công trình		tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao đã được UBND tỉnh giao cho Ban Quản lý Khu kinh tế quản lý. 3. UBND cấp huyện cấp giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (trừ công trình quy định tại khoản 1 Điều này) và nhà ở riêng lẻ (với mọi quy mô) trên địa bàn do mình quản lý. 4. Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng quy định tại các khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này có thẩm quyền điều chỉnh, gia hạn, cấp lại và thu hồi giấy phép xây dựng do mình cấp. a) Trường hợp giấy phép xây dựng đã được cấp, chủ đầu tư đề nghị điều chỉnh, gia hạn, cấp lại mà có sự thay đổi về thẩm quyền do quy định của pháp luật thì cơ quan cấp giấy phép xây dựng trước đó có trách nhiệm điều chỉnh, gia hạn, cấp lại giấy phép xây dựng do mình cấp; b) Trường hợp giấy phép xây dựng hết thời gian gia hạn mà chưa khởi công xây dựng thì chủ đầu tư phải	3. Trường hợp giấy phép do UBND cấp huyện (cũ) cấp thì thẩm quyền điều chỉnh, gia hạn giấy phép xây dựng do UBND cấp xã thực hiện; công trình xây dựng thuộc dự án nằm trên địa bàn 02 xã thì thẩm quyền điều chỉnh, gia hạn giấy phép xây dựng do Sở Xây dựng thực hiện.	
---	--	---	--	--

trước khi điều chỉnh.		nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng mới. Thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng mới theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này.		
Điều 4. Quy mô, thời hạn tồn tại của công trình được cấp giấy phép xây dựng có thời hạn 1. Quy mô công trình (trừ công trình tôn giáo, tín ngưỡng, tượng đài, tranh hoành tráng) và nhà ở riêng lẻ: a) Các loại công trình (trừ công trình có kết cấu dạng cột, trụ tháp): quy mô xây dựng công trình đảm bảo mật độ xây dựng không quá 40%, tối đa 02 tầng, chiều cao tối đa 10 m. b) Công trình có kết cấu dạng cột, trụ, tháp trong các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông (cột/tháp quảng cáo, cột truyền tải điện, ống khói, cột tín hiệu giao thông và các kết cấu tương tự khác): công trình cấp III và cấp IV (có chiều cao kết cấu tối đa 28 m). c) Công trình có kết cấu dạng cột, trụ, tháp trong		Điều 11. Quy định về quy mô, thời hạn tồn tại của công trình, nhà ở riêng lẻ áp dụng cho trường hợp cấp giấy phép xây dựng có thời hạn 1. Quy mô công trình xây dựng, nhà ở riêng lẻ áp dụng cho trường hợp cấp giấy phép xây dựng mới có thời hạn là 01 (một) tầng. 2. Không cấp giấy phép xây dựng có thời hạn cho những công trình và nhà ở riêng lẻ có thiết kế tầng hầm. 3. Cơ quan Cấp giấy phép xây dựng tự xem xét kế hoạch thực hiện quy hoạch phân khu xây dựng, quy hoạch chi tiết xây dựng để xem xét quyết định thời hạn tồn tại của công trình hoặc nhà ở riêng lẻ được cấp giấy phép xây dựng có thời hạn.	Điều 7. Quy định về quy mô, thời hạn tồn tại của công trình, nhà ở riêng lẻ áp dụng cho trường hợp cấp giấy phép xây dựng có thời hạn 1. Quy mô công trình (trừ công trình tôn giáo, tín ngưỡng, tượng đài, tranh hoành tráng) và nhà ở riêng lẻ: a) Các loại công trình (trừ công trình có kết cấu dạng cột, trụ tháp): quy mô xây dựng công trình đảm bảo mật độ xây dựng không quá 40%, tối đa 02 tầng, chiều cao tối đa 10m. b) Công trình có kết cấu dạng cột, trụ, tháp trong các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông (cột/tháp quảng cáo, cột truyền tải điện, ống khói, cột tín hiệu giao thông và các kết cấu tương tự khác): công trình cấp III và cấp IV (có chiều cao kết cấu tối đa 28m).	Kế thừa nội dung quy định tại Điều 4 Quyết định số 55/2021/QĐ-UBND ngày 01/12/2021 và Quyết định số 14/2023/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 và điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp theo quy định hiện hành.

công trình hạ tầng kỹ thuật (Cột ăng ten, tháp thu phát sóng truyền thanh/truyền hình; cột BTS; cột đèn, cột điện trong hệ thống chiếu sáng...): công trình cấp IV (có chiều cao kết cấu tối đa 45m). d) Công trình có quy mô nhỏ, lẻ khác (hàng rào, tường rào; lan can can bảo vệ và kết cấu tương tự khác): Công trình cấp IV (có chiều cao tối đa 6m). đ) Nhà ở riêng lẻ: Tổng diện tích sàn xây dựng tối đa 300 m², tối đa 03 tầng. e) Công trình, nhà ở riêng lẻ cải tạo, sửa chữa: theo quy mô hiện hữu. 2. Thời hạn tồn tại a) Công trình: Theo thời hạn thực hiện quy hoạch xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng không quá 05 năm đối với khu vực đã được phê duyệt quy hoạch phân khu, 03 năm đối với khu vực đã được phê duyệt quy hoạch chi tiết. b) Nhà ở riêng lẻ: Đến khi nhà nước thực hiện quy hoạch.			c) Công trình có kết cấu dạng cột, trụ, tháp trong công trình hạ tầng kỹ thuật (Cột ăng ten, tháp thu phát sóng truyền thanh/truyền hình; cột BTS; cột đèn, cột điện trong hệ thống chiếu sáng...): công trình cấp IV (có chiều cao kết cấu tối đa 45m). d) Công trình có quy mô nhỏ, lẻ khác (hàng rào, tường rào; lan can can bảo vệ và kết cấu tương tự khác): công trình cấp IV (có chiều cao tối đa 6m). e) Nhà ở riêng lẻ: Tổng diện tích sàn xây dựng tối đa 300m², tối đa 03 tầng. g) Công trình, nhà ở riêng lẻ cải tạo, sửa chữa: theo quy mô hiện hữu. 2. Thời hạn tồn tại: a) Công trình: Cơ quan cấp giấy phép xây dựng tự xem xét kế hoạch thực hiện quy hoạch xây dựng để xem xét quyết định thời hạn tồn tại của công trình nhưng không được quá 05 năm đối với khu vực đã có quy hoạch chung và không quá 03 năm đối với khu vực có quy hoạch phân khu hoặc	
---	--	--	---	--

			quy hoạch chi tiết. b) Nhà ở riêng lẻ: đến khi nhà nước thực hiện quy hoạch.	
		Điều 12. Văn bản chấp thuận về vị trí, hướng tuyến và tổng mặt bằng 1. Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận vị trí, hướng tuyến và tổng mặt bằng đối với dự án đầu tư xây dựng nằm trên địa bàn 02 (hai) đơn vị hành chính cấp xã trở lên làm cơ sở lập dự án đầu tư xây dựng, cấp giấy phép xây dựng theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 13 và điểm d khoản 3 Điều 50 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP. 2. Ủy ban nhân dân cấp xã chấp thuận về vị trí, hướng tuyến và tổng mặt bằng đối với các dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính do mình quản lý, trừ quy định tại khoản 1 Điều này. 3. Hồ sơ đề nghị chấp thuận vị trí, hướng tuyến và tổng mặt bằng. a) Công văn đề nghị chấp thuận vị trí, hướng tuyến và tổng mặt bằng;	Điều 8. Thẩm quyền chấp thuận phương án tuyến công trình, vị trí công trình, mặt bằng tổng thể của dự án theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 26 Nghị định 217/2026/NĐ-CP 1. Sở Xây dựng chấp thuận phương án tuyến công trình, vị trí công trình, mặt bằng tổng thể của dự án nằm trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên. 2. Ủy ban nhân dân cấp xã chấp thuận phương án tuyến công trình, vị trí công trình, mặt bằng tổng thể đối với các dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính do mình quản lý, trừ quy định tại khoản 1 Điều này. 3. Hồ sơ đề nghị chấp thuận phương án tuyến công trình, vị trí công trình, mặt bằng tổng thể của dự án. Thực hiện theo quy định tại	Sửa đổi theo quy định tại Nghị định số 217/2026/NĐ-CP và Kế thừa nội dung quy định tại Điều 12 Quyết định số 22/2025/QĐ-UBND ngày 09/5/2025.

		b) Văn bản pháp lý có liên quan. c) Bản vẽ vị trí và tổng mặt bằng gồm: - Sơ đồ vị trí, ranh giới khu đất; - Bản vẽ tổng mặt bằng, trong đó thể hiện đầy đủ các nội dung: xác định vị trí công trình, hạng mục công trình trong lô đất (gồm cả công trình ngầm), các chỉ tiêu sử dụng đất (mật độ xây dựng, chiều cao hoặc tầng cao xây dựng công trình, hệ số sử dụng đất, khoảng lùi của công trình...), tổ chức sân vườn, đường nội bộ...; vị trí, giải pháp đấu nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật bên ngoài hàng rào công trình.	khoản 4 Điều 10 Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn và Điều 21 Thông tư 16/2025/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3, khoản 7 Điều 1 Thông tư số 43/2025/TT-BXD ngày 9 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn.	
			Điều 9. Quy định đối với công trình tạm 1. Ủy ban nhân dân cấp xã a) Chấp thuận về địa điểm, quy mô xây dựng công trình và thời gian tồn tại của công trình tạm theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 72 Luật Xây dựng	Bổ sung điều này theo quy định tại Điều 72 Luật Xây dựng năm 2025 và Nghị định số 217/2026/NĐ-CP

			năm 2025. b) Xác nhận sự phù hợp với quy hoạch theo quy định của pháp luật về quy hoạch và pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn đối với công trình tạm quy định tại điểm a khoản 1 Điều 72 Luật Xây dựng năm 2025. 2. Ủy ban nhân dân cấp xã lấy ý kiến Sở Xây dựng trước khi thực hiện nội dung quy định tại khoản 1 Điều này đối với công trình tạm có quy mô từ cấp II trở lên; công trình tôn giáo, tín ngưỡng; công trình phụ trợ tôn giáo và tín ngưỡng.	
			Điều 10. Quy mô công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp Điều này quy định đối với công trình xây dựng phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp theo quy định tại khoản 3 Điều 178 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 và công trình xây dựng phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất trồng lúa theo quy định tại khoản 15 Điều 55 Nghị định 217/2026/NĐ-CP. 1. Công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông	Bổ sung mới theo quy định tại khoản 3 Điều 178 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 và công trình xây dựng phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất trồng lúa theo quy định tại khoản 15 Điều 55 Nghị định 217/2026/NĐ-CP

			ng nghiệp là công trình: nhà nghỉ, lán trại để phục vụ cho người lao động, phục vụ sơ chế, bảo quản nông sản; kho chứa vật tư nông nghiệp, máy móc, dụng cụ lao động; trưng bày, giới thiệu sản phẩm nông nghiệp và công trình phụ trợ khác. 2. Ủy ban nhân dân cấp xã chấp thuận tổng mặt bằng của công trình xây dựng phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất trồng lúa, nội dung chấp thuận phải bao gồm diện tích, vị trí, mục đích sử dụng công trình. 3. Công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp được xây dựng trên diện tích đất nông nghiệp được phép xây dựng công trình theo quy định của pháp luật về đất đai; chỉ được xây dựng tối đa tại 02 vị trí; có quy mô không quá cấp IV; không có tầng hầm; có kết cấu bán kiên cố, dễ tháo dỡ; kết cấu chịu lực chủ yếu bằng khung thép, khung kim loại, gỗ hoặc vật liệu lắp ghép; tường, vách và mái bằng vật liệu nhẹ; không xây dựng kết cấu bê	
--	--	--	--	--

			tông cốt thép toàn khối, trừ phần móng, nền và các bộ phận cần thiết để bảo đảm an toàn chịu lực; không bố trí công năng để ở và chỉ được sử dụng trực tiếp phục vụ sản xuất nông nghiệp theo quy định tại khoản 1. 4. Công trình chỉ được phép xây dựng trên thửa đất nông nghiệp đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và còn thời hạn sử dụng đất. 5. Đối với dự án nông nghiệp được cơ quan có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư hoặc lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư thì diện tích đất xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp theo dự án đầu tư, quy hoạch chi tiết, tổng mặt bằng được cấp thẩm quyền phê duyệt, chấp thuận.	
Điều 10. Trách nhiệm của chủ đầu tư trong việc gửi thông báo khởi công xây dựng công trình 1. Công trình, nhà ở riêng lẻ đã được cấp giấy phép				

xây dựng: Chủ đầu tư có trách nhiệm gửi Thông báo khởi công theo mẫu tại Phụ lục V Nghị định số 06/2021/NĐ-CP cho Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan cấp giấy phép xây dựng trước thời điểm khởi công xây dựng ít nhất là 03 ngày làm việc. 2. Công trình thuộc đối tượng miễn giấy phép xây dựng quy định tại điểm b, e, g, h và i, trừ nhà ở riêng lẻ quy định tại điểm i khoản 2 Điều 89 Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 30 Điều 1 Luật số 62/2020/QH14: Chủ đầu tư có trách nhiệm gửi Thông báo khởi công (Theo mẫu tại Phụ lục V Nghị định số 06/2021/NĐ-CP) và hồ sơ bản vẽ thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng (Thành phần bản vẽ được quy định tại Điều 43, 44, 45, 46, 47 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP) cho Ủy ban nhân dân cấp huyện trước thời điểm khởi công xây dựng ít nhất là 03 ngày				
--	--	--	--	--

làm việc. Đối với các công trình trong Khu công nghiệp, Khu công nghệ cao công nghệ sinh học, chủ đầu tư gửi đến Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Ban Quản lý Khu công nghệ cao Công nghệ sinh học. 3. Các công trình theo quy định tại khoản 1 và 2 Điều này mà thuộc đối tượng kiểm tra công tác nghiệm thu, chủ đầu tư đồng gửi Thông báo khởi công cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra công tác nghiệm thu theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.				
Điều 11. Trách nhiệm của cơ quan cấp phép xây dựng 1. Thông tin, tuyên truyền, niêm yết công khai tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả và trên Cổng Thông tin điện tử của mình theo quy định của pháp luật các nội dung liên quan đến cấp giấy phép xây dựng; hướng dẫn, cung cấp thông tin theo quy định của pháp luật liên quan đến cấp giấy phép xây dựng thuộc thẩm			Điều 11. Trách nhiệm của cơ quan cấp phép xây dựng. 1. Thông tin, tuyên truyền, niêm yết công khai tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả và trên Cổng Thông tin điện tử theo quy định của pháp luật các nội dung liên quan đến cấp giấy phép xây dựng; hướng dẫn, cung cấp thông tin theo quy định của pháp luật liên quan đến cấp giấy phép xây dựng thuộc thẩm	Kế thừa nội dung quy định tại Điều 11 Quyết định số 55/2021/QĐ-UBND ngày 01/12/2021 và Quyết định số 14/2023/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 và điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp theo quy định hiện hành.

quyền giải quyết của mình; chịu trách nhiệm công khai các quy định, thủ tục hành chính đầy đủ, thường xuyên, rõ ràng dễ tiếp cận, dễ khai thác, sử dụng theo quy định. 2. Theo dõi, trả kết quả hoặc thông báo cho chủ đầu tư về hồ sơ chưa đủ điều kiện để cấp giấy phép xây dựng. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả có trách nhiệm trả kết quả giấy phép xây dựng kèm theo hồ sơ thiết kế trình đề nghị cấp giấy phép xây dựng có đóng dấu của cơ quan cấp giấy phép xây dựng và đưa mẫu Thông báo ngày khởi công, hướng dẫn chủ đầu tư việc thực hiện gửi thông báo ngày khởi công theo quy định. 3. Tổ chức thực hiện cấp giấy phép xây dựng trong thời hạn tại Điều 6 Quy định này. Trong quá trình xem xét hồ sơ cấp giấy phép xây dựng, Cơ quan cấp giấy phép xây dựng có trách nhiệm đối chiếu các điều kiện theo quy định để gửi văn bản lấy ý kiến của cơ quan quản lý			quyền giải quyết của mình; chịu trách nhiệm công khai các quy định, thủ tục hành chính đầy đủ, thường xuyên, rõ ràng dễ tiếp cận, dễ khai thác, sử dụng theo quy định. 2. Theo dõi, trả kết quả hoặc thông báo cho chủ đầu tư về hồ sơ chưa đủ điều kiện để cấp giấy phép xây dựng. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả có trách nhiệm trả kết quả giấy phép xây dựng kèm theo hồ sơ thiết kế trình đề nghị cấp giấy phép xây dựng có đóng dấu của cơ quan cấp giấy phép xây dựng và đưa mẫu Thông báo ngày khởi công, hướng dẫn chủ đầu tư việc thực hiện gửi thông báo ngày khởi công theo quy định. 3. Đối với nội dung lồng ghép việc thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan cấp giấy phép xây dựng theo khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 201/2025/QH15 ngày 29 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ thí điểm về một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển nhà ở xã hội, khi đến thời hạn cấp giấy	
---	--	--	--	--

nhà nước về những lĩnh vực liên quan đến công trình xây dựng theo quy định của pháp luật. 4. Cơ quan cấp giấy phép xây dựng có trách nhiệm kiểm tra các điều kiện cấp giấy phép xây dựng theo quy định tại Điều 41 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP. 5. Sử dụng chữ ký điện tử của cơ quan mình hoặc mẫu dấu theo quy định tại Mẫu số 13 Phụ lục II Nghị định số 15/2021/NĐ-CP để đóng dấu xác nhận bản vẽ thiết kế kèm theo giấy phép xây dựng cấp cho chủ đầu tư. 6. Có trách nhiệm công bố công khai nội dung giấy phép xây dựng đã được cấp trên trang thông tin điện tử của mình. 7. Chủ trì và phối hợp với cơ quan chức năng có liên quan kiểm tra việc thực hiện xây dựng theo giấy phép xây dựng; đình chỉ xây dựng, thu hồi giấy phép xây dựng theo quy định khi chủ đầu tư xây dựng công trình vi phạm. 8. Người có thẩm quyền			phép xây dựng 10 ngày theo quy định tại Điều 54 Nghị định số 217/2026/NĐ-CP nhưng cơ quan cấp giấy phép xây dựng cần thời gian để thực hiện nội dung thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy tại cơ quan chuyên môn về xây dựng, thì cơ quan cấp giấy phép xây dựng thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư biết nhưng tổng thời gian thực hiện thủ tục không được quá 20 ngày	
---	--	--	---	--

cấp giấy phép xây dựng phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại do việc cấp giấy phép sai hoặc cấp giấy phép chậm theo quy định của pháp luật. 9. Thu, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép xây dựng theo đúng quy định. 10. Báo cáo và đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh biện pháp xử lý đối với các cơ quan phối hợp giải quyết thủ tục không đảm bảo thời gian quy định.				
Điều 12. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức liên quan 1. Cơ quan được lấy ý kiến có liên quan đến cấp giấy phép xây dựng có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về những nội dung thuộc chức năng quản lý của mình trong thời gian 05 ngày làm việc đối với công trình (03 ngày làm việc đối với nhà ở riêng lẻ) kể từ ngày nhận được hồ sơ. Sau thời hạn trên, nếu không có ý kiến thì được coi là đã đồng ý và phải chịu trách nhiệm về những nội dung thuộc chức năng			Điều 12. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức liên quan. 1. Cơ quan được lấy ý kiến có liên quan đến cấp giấy phép xây dựng có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về những nội dung thuộc chức năng quản lý của mình trong thời gian 05 ngày làm việc đối với công trình (03 ngày làm việc đối với nhà ở riêng lẻ) kể từ ngày nhận được hồ sơ. Sau thời hạn trên, nếu không có ý kiến thì được coi là đã đồng ý và phải chịu trách nhiệm về những nội dung thuộc chức năng	Kế thừa nội dung quy định tại Điều 12 Quyết định số 55/2021/QĐ-UBND ngày 01/12/2021 và Quyết định số 14/2023/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 và điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp

quản lý của mình; cơ quan cấp giấy phép xây dựng căn cứ các quy định hiện hành để quyết định việc cấp giấy phép xây dựng. 2. Thực hiện các biện pháp cần thiết đối với công trình xây dựng vi phạm khi nhận được thông báo của cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm.			quản lý của mình; cơ quan cấp giấy phép xây dựng căn cứ các quy định hiện hành để quyết định việc cấp giấy phép xây dựng. 2. Thực hiện các biện pháp cần thiết đối với công trình xây dựng vi phạm khi nhận được thông báo của cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm.	
			Điều 13. Cấp chứng chỉ hành nghề cho cá nhân và cấp giấy phép hoạt động xây dựng Ủy ban nhân dân Thành phố phân cấp cho Sở Xây dựng: a) Tổ chức thực hiện việc cấp chứng chỉ hành nghề cho cá nhân theo quy định, kể cả trường hợp cấp lại chứng chỉ hành nghề do cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ Xây dựng, tổ chức xã hội - nghề nghiệp cấp trước đó đối với cá nhân có nhu cầu; Tổ chức cấp giấy phép hoạt động xây dựng (bao gồm cả giấy phép điều chỉnh, thu hồi) cho nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng trên địa bàn hành chính của tỉnh, kể cả trường hợp nhà	Bổ sung điều này theo quy định của Nghị định số 212/2026/NĐ-CP.

			thầu nước ngoài hoạt động xây dựng trên địa bàn của 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên và nhà thầu nước ngoài dự kiến đặt văn phòng điều hành tại thành phố Đồng Nai;	
	- Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND ngày 01/4/2022: Điều 3. Trách nhiệm của Sở Xây dựng Điều 4. Trách nhiệm của các Sở: Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương (Sau đây gọi chung là Sở Quản lý công trình xây dựng chuyên ngành) 1. Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các nội dung dưới đây đối với các công trình quy định tại điểm a khoản 4 Điều 52 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng (Sau đây viết tắt là Nghị định số 06/2021/NĐ-CP) trên địa bàn tỉnh, trừ các		Điều 14. Thẩm quyền kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng 1. Thẩm quyền kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng quy định tại điểm c khoản 1, điểm e khoản 2 Điều 26 Nghị định số 207/2026/NĐ-CP như sau: a) Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Công Thương đối với các dự án, công trình thuộc chuyên ngành quản lý quy định tại khoản 1 Điều 21 Quy định này trừ các dự án, công trình xây dựng được đầu tư xây dựng trong khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu kinh tế; b) Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế đối với các dự án, công trình được đầu tư xây dựng tại khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu kinh tế được giao quản lý (bao	Bổ sung quy định về thẩm quyền kiểm tra công tác nghiệm thu theo quy định của Nghị định số 207/2026/NĐ-CP.

	trường hợp đã phân công, giao nhiệm vụ cho Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai, Ban Quản lý Khu Công nghệ cao công nghệ sinh học Đồng Nai và Ủy ban nhân dân cấp huyện tại khoản 1 Điều 4, khoản 1 Điều 5 Quy định này: a) Tổ chức giám định xây dựng theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP đối với các công trình thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh; b) Thực hiện các nội dung về đánh giá an toàn công trình quy định tại khoản 3 Điều 38 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP; c) Tiếp nhận hồ sơ và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cho ý kiến về kết quả đánh giá an toàn công trình theo quy định tại khoản 3 Điều 39 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP; d) Xử lý đối với công trình có dấu hiệu nguy hiểm, không đảm bảo an toàn cho khai thác, sử dụng theo quy định tại Điều 40 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP;		gồm công trình hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu kinh tế); 2. Các cơ quan tại khoản 1 Điều này lồng ghép công tác kiểm tra phòng cháy và chữa cháy theo quy định pháp luật về Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thuộc trách nhiệm của ngành, phạm vi quản lý của mình trong quá trình kiểm tra nghiệm thu.	
--	---	--	--	--

	đ) Xử lý đối với công trình hết thời hạn sử dụng theo thiết kế theo quy định tại Điều 41 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP; e) Xử lý phá dỡ công trình xây dựng theo quy định tại Điều 42 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP; g) Báo cáo sự cố công trình cho Bộ Xây dựng theo quy định tại khoản 3 Điều 44 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP; h) Giải quyết sự cố công trình xây dựng theo quy định tại Điều 45 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP; i) Tổ chức giám định nguyên nhân sự cố công trình xây dựng theo quy định tại Điều 46 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP; k) Giải quyết sự cố sập đổ máy, thiết bị phục vụ công tác thi công xây dựng (Sau đây gọi là sự cố về máy, thiết bị) theo quy định tại Điều 49 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP; l) Tổ chức điều tra sự cố về máy, thiết bị theo quy định tại Điều 50 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP;			
--	---	--	--	--

	m) Tổng hợp và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Xây dựng việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng và tình hình chất lượng công trình xây dựng. 2. Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng theo Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP đối với công trình quy định tại điểm a khoản 4 Điều 52 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP xây dựng trên địa bàn tỉnh, ngoài các Khu công nghiệp - Khu công nghệ cao, công nghệ sinh học (Sau đây gọi chung là Khu công nghiệp - Khu công nghệ), trừ các công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra công tác nghiệm thu quy định tại điểm a, b, d khoản 2 Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP và công trình đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp cho phòng được giao quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện kiểm tra tại khoản 3 Điều 6 Quy định này.			
	Điều 5. Trách nhiệm của		Điều 15. Đánh giá an toàn	Bổ sung quy định về thẩm

	Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai, Ban Quản lý Khu Công nghệ cao công nghệ sinh học Đồng Nai 1. Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các nội dung dưới đây đối với các công trình xây dựng trong các Khu Công nghiệp - Khu công nghệ do đơn vị mình quản lý: a) Tổ chức giám định xây dựng theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP; b) Rà soát các công trình xây dựng thuộc đối tượng phải đánh giá an toàn công trình trên địa bàn quản lý và đề xuất lộ trình thực hiện việc đánh giá an toàn công trình; gửi báo cáo kết quả về Sở Xây dựng, Sở Quản lý công trình xây dựng chuyên ngành để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 38 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP; c) Xử lý đối với công trình có dấu hiệu nguy hiểm, không đảm bảo an toàn cho khai thác, sử dụng theo quy định tại Điều 40 Nghị định		công trình; xử lý đối với công trình có dấu hiệu nguy hiểm, không bảo đảm an toàn cho khai thác, sử dụng và xử lý đối với công trình hết thời hạn sử dụng theo thiết kế; phá dỡ công trình; phá dỡ công trình; đánh giá an toàn công trình; chủ trì giám định xây dựng; giải quyết sự cố công trình xây dựng Phân cấp và giao trách nhiệm quản lý liên quan đến an toàn trong thi công xây dựng công trình (khoản 4 Điều 51 Luật xây dựng 2025 và khoản 8 Điều 16 Nghị định 207/2026/NĐ-CP); xử lý đối với công trình có dấu hiệu nguy hiểm, không bảo đảm an toàn cho khai thác, sử dụng (điểm a khoản 6 Điều 42 Nghị định 207/2026/NĐ-CP); xử lý đối với công trình hết thời hạn sử dụng theo thiết kế (khoản 9 Điều 43 Nghị định số 207/2026/NĐ-CP); phá dỡ công trình (điểm b khoản 2 Điều 44 Nghị định 207/2026/NĐ-CP); đánh giá an toàn công trình (khoản 3 Điều 41 Nghị	quyền Đánh giá an toàn công trình; xử lý đối với công trình có dấu hiệu nguy hiểm, không bảo đảm an toàn cho khai thác, sử dụng và xử lý đối với công trình hết thời hạn sử dụng theo thiết kế; phá dỡ công trình; phá dỡ công trình; đánh giá an toàn công trình; chủ trì giám định xây dựng; giải quyết sự cố công trình xây dựng theo quy định của Nghị định số 207/2026/NĐ-CP.
--	--	--	---	---

	số 06/2021/NĐ-CP; d) Thực hiện nội dung xử lý đối với công trình hết thời hạn sử dụng theo thiết kế quy định tại điểm a khoản 6 Điều 41 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP; Rà soát các công trình xây dựng thuộc đối tượng quy định tại điểm b khoản 6 Điều 41 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP, gửi báo cáo kết quả về Sở Xây dựng, Sở Quản lý công trình xây dựng chuyên ngành để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý theo thẩm quyền; đ) Xử lý phá dỡ công trình xây dựng theo quy định tại Điều 42 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP; e) Giải quyết sự cố công trình xây dựng theo quy định tại Điều 45 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP; g) Giải quyết sự cố về máy, thiết bị theo quy định tại Điều 49 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP. 2. Thực hiện các nội dung dưới đây đối với các công trình xây dựng trong các Khu Công nghiệp - Khu		định 207/2026/NĐ-CP); chủ trì giám định xây dựng (điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định số 207/2026/NĐ-CP); giải quyết sự cố công trình xây dựng (điều 45 và Điều 50 Nghị định số 207/2026/NĐ-CP); thẩm quyền như sau: 1. Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Công Thương đối với các công trình từ cấp II trở lên theo chuyên ngành quản lý quy định tại khoản 1 Điều 21 Quyết định, trừ các công trình thuộc khoản 2, 3 Điều này với các nội dung sau: a) Tiếp nhận thông tin về hạng mục công trình, công trình xảy ra sự cố hoặc có dấu hiệu nguy hiểm, không bảo đảm an toàn cho việc khai thác, sử dụng trên địa bàn thành phố và thực hiện trách nhiệm quy định tại khoản 2 Điều 42 Nghị định 207/2026/NĐ-CP; b) Tiếp nhận Báo cáo thời điểm hết thời hạn sử dụng công trình và dự kiến phương án xử lý đối với	
--	--	--	--	--

	công nghệ do đơn vị mình quản lý: a) Tiếp nhận thông tin về sự cố công trình xây dựng, sự cố về máy, thiết bị; gửi báo cáo sự cố đến Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Xây dựng và Sở Quản lý công trình xây dựng chuyên ngành ngay khi xảy ra sự cố công trình xây dựng, sự cố về máy, thiết bị; b) Phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Quản lý công trình xây dựng chuyên ngành trong việc tổ chức giám định nguyên nhân sự cố công trình xây dựng, tổ chức điều tra sự cố về máy, thiết bị; c) Tổng hợp và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Xây dựng, Sở Quản lý công trình xây dựng chuyên ngành việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng và tình hình chất lượng công trình xây dựng. 3. Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng theo Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP đối với công trình xây dựng trong các Khu công nghiệp		công trình sau khi hết thời hạn sử dụng và xem xét cho ý kiến về việc kéo dài thời hạn sử dụng của công trình; c) Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quyết định phá dỡ công trình xây dựng đối với trường hợp phải phá dỡ; quyết định cưỡng chế phá dỡ và tổ chức thực hiện phá dỡ công trình trong trường hợp chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc chủ quản lý, sử dụng công trình không thực hiện trách nhiệm của mình trong việc phá dỡ công trình xây dựng; d) Tổ chức rà soát các công trình xây dựng thuộc đối tượng phải đánh giá an toàn công trình trên địa bàn và yêu cầu chủ sở hữu hoặc chủ quản lý, sử dụng công trình tổ chức thực hiện việc đánh giá an toàn công trình đối với các công trình, kể cả trường hợp công trình chưa xác định được chủ sở hữu hoặc chủ quản lý, sử dụng công trình; đ) Tổ chức giám định xây dựng đối với các công	
--	---	--	--	--

	- Khu công nghệ do đơn vị mình quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra công tác nghiệm thu quy định tại điểm a, b, d khoản 2 Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.		trình trên địa bàn; e) Chủ trì giải quyết sự cố, giám định sự cố trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 46 và điểm a khoản 1 Điều 47 Nghị định 207/2026/NĐ-CP và khoản 2 Điều này; 2. Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế thành phố đối với các công trình thuộc khu chức năng quản lý với các nội dung sau: a) Tiếp nhận và kiểm tra trong quá trình thi công xây dựng khi tiếp nhận báo cáo của chủ đầu tư về biện pháp bảo đảm an toàn đã được chủ đầu tư chấp thuận trong trường hợp giới hạn của vùng nguy hiểm trong thi công xây dựng công trình nằm ngoài phạm vi của công trình xây dựng và thuộc khu chức năng quản lý; b) Tiếp nhận thông tin về hạng mục công trình, công trình xảy ra sự cố hoặc có dấu hiệu nguy hiểm, không bảo đảm an toàn cho việc khai thác, sử dụng thuộc khu chức năng quản lý và thực hiện trách	
--	---	--	--	--

			nhiệm quy định tại khoản 2 Điều 42 Nghị định 207/2026/NĐ-CP; c) Tiếp nhận Báo cáo thời điểm hết thời hạn sử dụng công trình và dự kiến phương án xử lý đối với công trình sau khi hết thời hạn sử dụng và xem xét cho ý kiến về việc kéo dài thời hạn sử dụng của công trình; d) Ban hành quyết định phá dỡ công trình xây dựng đối với trường hợp phải phá dỡ; quyết định cưỡng chế phá dỡ và tổ chức thực hiện phá dỡ công trình trong trường hợp chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc chủ quản lý, sử dụng công trình không thực hiện trách nhiệm của mình trong việc phá dỡ công trình xây dựng; đ) Tổ chức rà soát các công trình xây dựng thuộc đối tượng phải đánh giá an toàn công trình và yêu cầu chủ sở hữu hoặc chủ quản lý, sử dụng công trình tổ chức thực hiện việc đánh giá an toàn công trình đối với các công trình, kể cả trường hợp công trình chưa	
--	--	--	--	--

			xác định được chủ sở hữu hoặc chủ quản lý, sử dụng công trình; e) Tổ chức giám định xây dựng đối với các công trình trên địa bàn; g) Chủ trì giải quyết sự cố, giám định sự cố đối với các công trình xây dựng trên địa bàn quản lý trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 45 và điểm a khoản 1 Điều 47 Nghị định 207/2026/NĐ-CP; h) Kiểm tra việc khai báo, giải quyết sự cố của chủ đầu tư và các nhà thầu thi công xây dựng theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 7 Điều 50 Nghị định 207/2026/NĐ-CP (nếu cần thiết); có trách nhiệm tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố về tình hình sự cố xảy ra trên địa bàn được giao quản lý trước ngày 15 tháng 12 hằng năm và báo cáo đột xuất khi có yêu cầu. 3. Ủy ban nhân dân cấp xã đối với các công trình cấp III, cấp IV (kể cả các hạng mục công trình cấp III, cấp IV thuộc dự án,	
--	--	--	---	--

			công trình từ cấp II trở lên) thuộc địa bàn quản lý, đối với công trình trên địa bàn hành chính từ 02 xã trở lên, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có phần diện tích xây dựng công trình lớn chủ trì thực hiện, với các nội dung sau: a) Tiếp nhận thông tin về hạng mục công trình, công trình xảy ra sự cố hoặc có dấu hiệu nguy hiểm, không bảo đảm an toàn cho việc khai thác, sử dụng và thực hiện trách nhiệm quy định tại khoản 2 Điều 42 Nghị định 207/2026/NĐ-CP; b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành quyết định phá dỡ công trình xây dựng đối với trường hợp phải phá dỡ; quyết định cưỡng chế phá dỡ và tổ chức thực hiện phá dỡ công trình trong trường hợp chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc chủ quản lý, sử dụng công trình không thực hiện trách nhiệm của mình trong việc phá dỡ công trình xây dựng; c) Tổ chức rà soát các công trình xây dựng thuộc	
--	--	--	---	--

			đối tượng phải đánh giá an toàn công trình và yêu cầu chủ sở hữu hoặc chủ quản lý, sử dụng công trình tổ chức thực hiện việc đánh giá an toàn công trình đối với các công trình, kể cả trường hợp công trình chưa xác định được chủ sở hữu hoặc chủ quản lý, sử dụng công trình; d) Tổ chức giám định xây dựng đối với các công trình trên địa bàn; Đối với giám định xây dựng công trình trải dài trên nhiều địa bàn hành chính cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xảy ra sự cố đầu tiên được phát hiện có trách nhiệm chủ trì giải quyết sự cố; đ) Chủ trì giải quyết sự cố, giám định sự cố đối với các công trình xây dựng trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 45 và điểm a khoản 1 Điều 47 Nghị định 207/2026/NĐ-CP; Đối với sự cố công trình trải dài trên nhiều địa bàn hành chính cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xảy ra sự cố đầu tiên được phát hiện có	
--	--	--	--	--

			trách nhiệm chủ trì giải quyết sự cố. 4. Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc UBND cấp xã: a) Tiếp nhận và kiểm tra trong quá trình thi công xây dựng khi tiếp nhận báo cáo của chủ đầu tư về biện pháp bảo đảm an toàn đã được chủ đầu tư chấp thuận trong trường hợp giới hạn của vùng nguy hiểm trong thi công xây dựng công trình nằm ngoài phạm vi của công trình xây dựng và thuộc địa bàn quản lý, trừ điểm a khoản 2 Điều này; b) Kiểm tra việc khai báo, giải quyết sự cố của chủ đầu tư và các nhà thầu thi công xây dựng theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 7 Điều 50 Nghị định 207/2026/NĐ-CP (nếu cần thiết) trên địa bàn quản lý; có trách nhiệm tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố về tình hình sự cố xảy ra trên địa bàn được giao quản lý trước ngày 15 tháng 12 hằng năm và báo cáo đột xuất khi có yêu cầu.	
			Điều 16. Thông báo và	Bổ sung thêm Điều này

			tiếp nhận thông báo khởi công xây dựng công trình 1. Trước khi khởi công xây dựng các công trình quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 2 Điều 43 Luật Xây dựng năm 2025, chủ đầu tư xây dựng công trình phải thực hiện gửi thông báo khởi công xây dựng (trừ công trình bí mật nhà nước, công trình xây dựng khẩn cấp, cấp bách, công trình xây dựng tạm quy định tại điểm a khoản 2 Điều 43 Luật Xây dựng 2025, công trình nhà ở riêng lẻ của hộ gia đình, cá nhân) đến cơ quan quy định tại khoản 4 Điều này để quản lý; 2. Hồ sơ thông báo khởi công xây dựng gồm: a) Gửi thông báo khởi công xây dựng đối với công trình quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 43 Luật Xây dựng 2025 và b) Gửi thông báo khởi công xây dựng kèm theo hồ sơ tương ứng với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo quy định (không bao gồm Đơn	
--	--	--	--	--

			đề nghị cấp giấy phép xây dựng) đối với công trình quy định tại các điểm a, d, đ, e, g và h khoản 2 Điều 43 Luật Xây dựng 2025; c) Thông báo khởi công xây dựng công trình theo mẫu tại Phụ lục V kèm theo Nghị định 207/2026/NĐ-CP, lưu ý tại mục số 6 của Thông báo khởi công xây dựng công trình cần mô tả cụ thể các nội dung theo quy định tại phần VI Bảng số 1 Phụ lục II Thông tư số 39/2026/TT-BXD, gồm: loại, cấp công trình và các thông tin về quy mô đầu tư xây dựng theo Phụ lục III Thông tư số 39/2026/TT-BXD. 3. Trước khi gửi thông báo đến cơ quan quy định tại khoản 3 Điều này, chủ đầu tư có trách nhiệm nhập dữ liệu về Thông báo khởi công xây dựng vào Hệ thống thông tin về hoạt động xây dựng; 4. Cơ quan tiếp nhận thông báo khởi công a) Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận thông báo khởi công đối với: các công trình do Sở Xây dựng, Ủy	
--	--	--	--	--

			ban nhân dân cấp xã hiện cấp giấy phép xây dựng; Các công trình thuộc đối tượng được miễn giấy phép xây dựng xây dựng trên địa bàn quản lý (trừ công trình bí mật nhà nước, công trình xây dựng khẩn cấp, cấp bách, công trình xây dựng tạm quy định tại điểm a khoản 2 Điều 43 Luật Xây dựng 20250; b) Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tiếp nhận thông báo khởi công xây dựng đối với các công trình đã được cấp giấy phép xây dựng và các công trình thuộc đối tượng được miễn giấy phép xây dựng trên địa bàn khu chức năng quản lý; c) Ngoài gửi cho cơ quan tại điểm a, b khoản này, chủ đầu tư xây dựng công trình đồng thời gửi cho cơ quan cấp giấy phép xây dựng đối với công trình có giấy phép xây dựng, gửi cho cơ quan chuyên môn về xây dựng có thẩm quyền kiểm tra công tác nghiệm thu theo quy định tại Điều 14 Quy định này đối với các công trình thuộc đối	
--	--	--	---	--

			tượng kiểm tra công tác nghiệm thu theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Nghị định số 207/2026/NĐ-CP; 5. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận Thông báo, cơ quan tại điểm a, b khoản 2 Điều này có trách nhiệm: Kiểm tra, phê duyệt dữ liệu theo Thông báo khởi công đã được tổ chức, cá nhân nhập vào Hệ thống thông tin về hoạt động xây dựng; Tổ chức kiểm tra, giám sát việc gửi thông báo khởi công, hồ sơ thiết kế xây dựng và tuân thủ các điều kiện khởi công của chủ đầu tư theo quy định tại Điều 43, 48 Luật Xây dựng năm 2025 và Nghị định số 207/2026/NĐ-CP; quản lý trật tự xây dựng và thực hiện trách nhiệm quản lý trật tự xây dựng theo quy định tại Điều 17 và 18 Quy định này.	
Điều 9. Quản lý công trình miễn giấy phép xây dựng 1. Nội dung quản lý đối với các công trình được miễn giấy phép xây dựng theo quy định tại điểm b khoản			Điều 17. Quản lý công trình miễn giấy phép xây dựng. 1. Nội dung quản lý đối với các công trình được miễn giấy phép xây dựng theo quy định tại điểm c khoản 2	Kế thừa nội dung quy định tại Điều 9 Quyết định số 55/2021/QĐ-UBND ngày 01/12/2021 và Quyết định số 14/2023/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 và điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp theo quy định hiện hành.

2 Điều 56 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng (Viết tắt là Nghị định số 15/2021/NĐ-CP). 2. Công trình, nhà ở riêng lẻ được miễn giấy phép xây dựng nhưng phải tuân thủ thực hiện các thủ tục về đầu tư (Nếu có), đất đai, xây dựng và các thủ tục liên quan khác theo quy định. 3. Đối với công trình bí mật nhà nước; công trình xây dựng theo lệnh khẩn cấp, cấp bách ngoài việc thực hiện theo quy định này còn phải thực hiện theo các quy định khác có liên quan. 4. Đối với công trình quảng cáo, việc xây dựng công trình phải tuân thủ quy định về khu vực bảo vệ di tích lịch sử, văn hóa; hành lang an toàn giao thông, đề điều, lưới điện quốc gia; không được che khuất đèn tín hiệu giao thông, bảng chỉ dẫn công cộng và phải tuân thủ quy hoạch quảng cáo của địa phương, quy chuẩn kỹ			Điều 67 Nghị định số 217/2026/NĐ-CP. 2. Công trình, nhà ở riêng lẻ được miễn giấy phép xây dựng nhưng phải đáp ứng các quy định theo pháp luật về đất đai, xây dựng và các thủ tục liên quan khác theo quy định. 3. Đối với công trình bí mật nhà nước; công trình xây dựng theo lệnh khẩn cấp, cấp bách ngoài việc thực hiện theo quy định này còn phải thực hiện theo các quy định khác có liên quan. 4. Đối với công trình quảng cáo, việc xây dựng công trình phải tuân thủ quy định về khu vực bảo vệ di tích lịch sử, văn hóa; hành lang an toàn giao thông, đề điều, lưới điện quốc gia; không được che khuất đèn tín hiệu giao thông, bảng chỉ dẫn công cộng và phải tuân thủ quy hoạch quảng cáo của địa phương, quy chuẩn kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền ban hành.	
--	--	--	---	--

thuật do cơ quan có thẩm quyền ban hành.				
		Điều 16. Quy định về thẩm quyền, trách nhiệm quản lý trật tự xây dựng 1. Sở Xây dựng a) Tham mưu UBND tỉnh về quản lý trật tự xây dựng các công trình xây dựng trên địa bàn (trừ công trình bí mật nhà nước); hướng dẫn, kiểm tra, giám sát UBND cấp huyện trong công tác quản lý trật tự xây dựng; b) Chịu trách nhiệm quản lý trật tự xây dựng và tiếp nhận thông báo khởi công xây dựng đối với các công trình theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của quy định này; c) Giao Thanh tra Sở Xây dựng kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất, xử lý vi phạm hành chính về trật tự xây dựng đối với các công trình quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 9 của quy định này. 2. Ban Quản lý khu kinh tế a) Quản lý trật tự xây dựng và tiếp nhận thông báo khởi	Điều 18. Quản lý trật tự xây dựng 1. Việc quản lý trật tự xây dựng được thực hiện theo quy định tại Điều 47 Luật Xây dựng năm 2025; nội dung quản lý trật tự xây dựng thực hiện theo quy định tại Điều 67 Nghị định 2017/2026/NĐ-CP. 2. Khi phát hiện vi phạm, cơ quan có thẩm quyền quản lý trật tự xây dựng quy định tại khoản 3 Điều này phải yêu cầu dừng thi công, xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý vi phạm trật tự xây dựng theo quy định. 3. Trừ công trình bí mật nhà nước, công trình xây dựng khẩn cấp, cấp bách, công trình xây dựng tạm quy định tại điểm a khoản 2 Điều 43 Luật Xây dựng năm 2025, trách nhiệm về quản lý trật tự xây dựng đối với các công trình xây dựng trên địa bàn thành phố như sau: a) Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh	Kế thừa nội dung quy định tại Điều 16 Quyết định số 22/2025/QĐ-UBND ngày 09/5/2025 và điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp theo quy định hiện hành.

		công xây dựng đối với các công trình theo quy định tại khoản 2 Điều 9 của quy định này; b) Tổ chức thực hiện theo dõi, kiểm tra, phát hiện, ngăn chặn và xử lý theo thẩm quyền; kiến nghị Thanh tra Sở Xây dựng kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính về trật tự xây dựng (nếu có) đối với các công trình xây dựng quy định tại khoản 2 Điều 9 của quy định này; phối hợp thực hiện cưỡng chế công trình vi phạm trật tự xây dựng trên địa bàn do mình quản lý. 3. Các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Công Thương, Văn hóa, Thể thao và du lịch căn cứ theo chức năng và nhiệm vụ, quyền hạn được giao chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, UBND cấp huyện, UBND cấp xã và các đơn vị có liên quan tổ chức thanh tra, kiểm tra, xử lý kịp thời các trường hợp công trình xây dựng sai mục đích sử dụng đất, lấn chiếm đất đai, vi phạm hành lang an toàn giao thông, năng lượng, đê điều, thủy lợi, khu vực bảo vệ di	tế: chịu trách nhiệm về quản lý trật tự xây dựng; phối hợp cùng Ủy ban nhân dân cấp xã theo dõi, kiểm tra, phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời vi phạm; chỉ đạo, tổ chức thực hiện cưỡng chế công trình vi phạm trật tự xây dựng trong khu chức năng được giao quản lý theo quy định của pháp luật; b) Ủy ban nhân dân cấp xã: chịu trách nhiệm về quản lý trật tự xây dựng; theo dõi, kiểm tra, phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời vi phạm; chỉ đạo, tổ chức thực hiện cưỡng chế công trình vi phạm trật tự xây dựng trên toàn địa bàn được giao quản lý theo quy định của pháp luật; 4. Sở Xây dựng a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các quy định về quản lý trật tự xây dựng các công trình xây dựng trên địa bàn (trừ công trình bí mật nhà nước); hướng dẫn, kiểm tra, giám sát Ủy ban nhân dân cấp xã trong công tác quản lý trật tự xây dựng; b) Tổng hợp, báo cáo định	
--	--	---	---	--

		tích lịch sử - văn hóa và các vi phạm khác có liên quan thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định. 4. UBND cấp huyện a) Quản lý trật tự xây dựng đối với các công trình xây dựng trên địa bàn (trừ các công trình xây dựng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, công trình bí mật nhà nước); b) Tổ chức thực hiện theo dõi, kiểm tra, phát hiện, ngăn chặn và xử lý hoặc kiến nghị xử lý kịp thời khi phát sinh vi phạm trên địa bàn; c) Giao Phòng có chức năng quản lý xây dựng cấp huyện thực hiện kiểm tra điều kiện khởi công xây dựng công trình, trật tự xây dựng và xử lý kịp thời các vi phạm hành chính về trật tự xây dựng theo thẩm quyền; Giám sát việc ngừng thi công, áp dụng các biện pháp cần thiết buộc dừng thi công theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; phối hợp kịp thời với Thanh tra Sở Xây dựng thực hiện kiểm tra hành	kỳ, đột xuất về tình hình trật tự xây dựng trên địa bàn thành phố theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền. 5. Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế và Ủy ban nhân dân cấp xã: Định kỳ trước ngày 15 tháng đầu của quý sau và trước ngày 15 tháng 12 hàng năm báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình trật tự xây dựng trên địa bàn được giao quản lý cho Sở Xây dựng.	
--	--	---	---	--

		chính về trật tự xây dựng trên địa bàn khi được đề nghị; d) Thực hiện cưỡng chế công trình vi phạm trật tự xây dựng trên địa bàn theo quy định của pháp luật. 5. UBND cấp xã a) Quản lý trật tự xây dựng đối với các công trình xây dựng trên địa bàn (trừ các công trình xây dựng quy định tại khoản 2 Điều này, công trình bí mật nhà nước); b) Chịu trách nhiệm kiểm tra điều kiện khởi công xây dựng công trình đối các công trình xây dựng trên địa bàn; tổ chức thực hiện theo dõi, kiểm tra, phát hiện, ngăn chặn và xử lý hoặc kiến nghị xử lý kịp thời khi phát sinh vi phạm trên địa bàn; c) Tổ chức thực hiện cưỡng chế công trình vi phạm trật tự xây dựng trên địa bàn theo quy định của pháp luật; d) Phối hợp kịp thời với Thanh tra Sở Xây dựng thực hiện kiểm tra hành chính về trật tự xây dựng		
--	--	--	--	--

		trên địa bàn khi được đề nghị; đ) UBND cấp xã định kỳ trước ngày 15 tháng đầu của quý sau và trước ngày 15 tháng 12 hàng năm báo cáo kết quả thực hiện công tác quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn về Phòng có chức năng quản lý xây dựng cấp huyện để tổng hợp,		
			Điều 19. Phân công kiểm tra về phòng cháy và chữa cháy theo điểm b khoản 2 Điều 13 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (sau đây gọi là Nghị định số 105/2025/NĐ-CP). 1. Công an thành phố chủ trì kiểm tra theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 13 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP. 2. Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế quản lý đối với các công trình thuộc khu chức năng giao quản lý, gồm:	Bổ sung mới điều này theo quy định của Nghị định số 105/2025/NĐ-CP.

			a) Kiểm tra định kỳ 01 năm một lần đối với cơ sở thuộc nhóm 1 và định kỳ 02 năm một lần đối với cơ sở thuộc nhóm 2 quy định tại Phụ lục II và định kỳ 03 năm một lần đối với cơ sở thuộc Phụ lục I kèm theo Nghị định số 105/2025/NĐ-CP. b) Kiểm tra đột xuất khi có dấu hiệu vi phạm pháp luật, có đơn khiếu nại, tố cáo về vi phạm pháp luật liên quan đến phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ theo quy định hoặc khi có yêu cầu phối hợp để phục vụ bảo đảm an ninh, trật tự của cơ quan có thẩm quyền đối với cơ sở thuộc Phụ lục I, II kèm theo Nghị định số 105/2025/NĐ-CP. 3. Trừ các cơ sở thuộc phạm vi quản lý của Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tại khoản 2 nêu trên, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Công Thương phối hợp với Công an thành phố kiểm tra các dự án đầu tư xây dựng theo chuyên ngành quản lý quy định tại khoản 1 Điều 21	
--	--	--	--	--

			Quyết định này, gồm: a) Kiểm tra định kỳ 01 năm một lần đối với cơ sở quy định tại Phụ lục 1 kèm theo Quyết định này. b) Kiểm tra đột xuất khi có dấu hiệu vi phạm pháp luật, có đơn khiếu nại, tố cáo về vi phạm pháp luật liên quan đến phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ theo quy định hoặc khi có yêu cầu phối hợp để phục vụ bảo đảm an ninh, trật tự của cơ quan có thẩm quyền đối với cơ sở quy định tại Phụ lục 1 kèm theo Quyết định này. 4. Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã (Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị) tổ chức kiểm tra quản lý đối với các công trình trên địa bàn được giao quản lý, gồm: Kiểm tra định kỳ 01 năm một lần đối với cơ sở thuộc nhóm 1 và định kỳ 02 năm một lần đối với cơ sở thuộc nhóm 2 quy định tại Phụ lục II, trừ các cơ sở quy định tại Phụ lục 1 kèm theo	
--	--	--	---	--

			Quyết định này; Định kỳ 03 năm một lần đối với cơ sở thuộc Phụ lục I kèm theo Nghị định số 105/2025/NĐ-CP. b) Kiểm tra đột xuất khi có dấu hiệu vi phạm pháp luật, có đơn khiếu nại, tố cáo về vi phạm pháp luật liên quan đến phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ theo quy định hoặc theo yêu cầu phục vụ bảo đảm an ninh, trật tự của cơ quan có thẩm quyền đối với: nhà ở, nhà ở kết hợp sản xuất, kinh doanh; cơ sở thuộc Phụ lục I, II kèm theo Nghị định số 105/2025/NĐ-CP, trừ cơ sở quy định tại Phụ lục 1 kèm theo Quyết định này.	
			Điều 20. Công tác kiểm tra, kiểm tra công trình xây dựng. 1. Sở Xây dựng kiểm tra định kỳ, đột xuất đối với các phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng và trạm thí nghiệm hiện trường trên địa bàn thành phố. 2. Kiểm tra chuyên ngành: Giao việc thực hiện pháp luật trong các lĩnh vực quản lý nhà nước ngành Xây	Bổ sung mới điều này theo quy định của Nghị định số 212/2026/NĐ-CP và Nghị định số 35/2023/NĐ-CP.

			dựng trên địa bàn tỉnh theo quy định tại b khoản 2 Điều 13 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng: a) Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Công Thương chủ trì kiểm tra về việc tuân thủ các quy định chuyên ngành xây dựng đối với tổ chức, cá nhân trong phạm vi được giao tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố quản lý nhà nước, tất cả các công trình xây dựng trên địa bàn thành phố theo chuyên ngành quản lý; Tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố kiểm tra về việc tuân thủ các quy định chuyên ngành xây dựng đối với tổ chức, cá nhân trong phạm vi khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu kinh tế. b) Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế chủ trì kiểm tra về việc tuân thủ các quy định chuyên ngành xây dựng đối	
--	--	--	--	--

			với tất cả các công trình xây dựng thuộc phạm vi quản lý. c) Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì kiểm tra chuyên ngành đối với tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân cùng cấp; Người đứng đầu cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã kiểm tra chuyên ngành đối với tổ chức, cá nhân, các công trình xây dựng trên địa bàn trong phạm vi được giao tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp quản lý nhà nước. 3. Kiểm tra công trình xây dựng a) Các công trình xây dựng trên địa bàn thành phố phải chịu sự kiểm tra của chính quyền các cấp và các cơ quan quản lý nhà nước theo từng lĩnh vực quản lý chuyên ngành thực hiện kiểm tra chuyên ngành và kiểm tra theo quy định của pháp luật liên quan. b) Đối với công trình thuộc đối tượng phải kiểm tra công tác nghiệm thu theo quy định về quản lý chất	
--	--	--	---	--

			lượng công trình: cơ quan chuyên môn về xây dựng có thẩm quyền chủ trì kiểm tra công tác nghiệm thu trong quá trình thi công và khi hoàn thành thi công xây dựng công trình theo quy định; cơ quan cấp giấy phép xây dựng (nếu có) có trách nhiệm phối hợp kiểm tra khi được cơ quan chủ trì đề nghị. c) Đối với công trình được cấp giấy phép xây dựng nhưng không thuộc đối tượng phải kiểm tra công tác nghiệm thu: Sau khi xây dựng hoàn thành, chủ đầu tư có yêu cầu được kiểm tra công trình để có cơ sở triển khai các bước tiếp theo thì có văn bản đề nghị cơ quan cấp giấy phép xây dựng kiểm tra xác nhận sự phù hợp của hiện trạng công trình theo hồ sơ thiết kế đã được thẩm định, cấp phép. d) Đối với công trình được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định thiết kế nhưng thuộc diện được miễn giấy phép xây dựng và không thuộc đối tượng phải kiểm tra công tác nghiệm thu: Sau khi xây	
--	--	--	--	--

			dựng hoàn thành, chủ đầu tư có yêu cầu được kiểm tra công trình để có cơ sở triển khai các bước tiếp theo thì có văn bản đề nghị cơ quan chuyên môn về xây dựng kiểm tra xác nhận sự phù hợp của hiện trạng công trình theo hồ sơ thiết kế đã được thẩm định. e) Đối với công trình được miễn giấy phép xây dựng và không thuộc diện do cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định thiết kế, không thuộc đối tượng phải kiểm tra công tác nghiệm thu: Sau khi xây dựng hoàn thành, trường hợp chủ đầu tư có nhu cầu được kiểm tra công trình để có cơ sở triển khai các bước tiếp theo thì có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xây dựng công trình thực hiện.	
- Quyết định số 55/2021/QĐ-UBND ngày 01/12/2021 và Quyết định số 14/2023/QĐ-UBND ngày 06/4/2023; Điều 13. Trách nhiệm thực hiện 1. Sở Xây dựng	- Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND ngày 01/4/2022: Điều 8. Trách nhiệm tổ chức thực hiện 1. Thủ trưởng Sở Xây dựng, Sở Quản lý công trình xây dựng chuyên ngành; Trưởng các Ban	Điều 17. Trách nhiệm thi hành 1. Giao Sở: Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường, Công Thương; Ban Quản lý Khu kinh tế chủ trì tổ chức thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ	Điều 21. Trách nhiệm thi hành 1. Giao các Sở: Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường, Công Thương; Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế chủ trì tổ chức thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo	Kế thừa nội dung quy định tại Điều 17 Quyết định số 22/2025/QĐ-UBND ngày 09/5/2025 và điều chỉnh lại trách nhiệm của các Sở ban ngành và UBND cấp xã khi thực hiện chính quyền 02 cấp từ 01/7/2025.

a) Tổ chức triển khai và hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ cho các cơ quan, cá nhân thực hiện cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh. b) Tổ chức kiểm tra, thanh tra định kỳ hoặc đột xuất công tác cấp giấy phép xây dựng tại các cơ quan thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh. c) Chủ trì, phối hợp, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc lập và phê duyệt đồ án quy hoạch xây dựng, quy chế quản lý kiến trúc, thiết kế đô thị. d) Tiếp nhận Thông báo khởi công, kiểm tra và xử lý đối với các công trình do Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Xây dựng cấp giấy phép xây dựng. đ) Tổng hợp báo cáo định kỳ, đột xuất công tác cấp giấy phép xây dựng và quản lý xây dựng trên địa bàn tỉnh về Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Xây dựng. 2. Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Ban Quản lý Khu công nghệ cao Công nghệ sinh học	Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai, Ban Quản lý Khu Công nghệ cao công nghệ sinh học Đồng Nai; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Trưởng Phòng được giao quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh theo quy định của Nhà nước và Quy định này. 2. Trong phạm vi biên chế và kinh phí được giao hàng năm, Thủ trưởng Sở Xây dựng, Sở Quản lý công trình xây dựng chuyên ngành; Trưởng các Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai, Ban Quản lý Khu Công nghệ cao công nghệ sinh học Đồng Nai; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Thủ trưởng các phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm bố trí nguồn lực, củng cố tổ chức, phân công nhiệm vụ cho các đơn vị, cá nhân trực thuộc thực hiện công tác quản lý chất lượng công	thuật đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở của dự án đầu tư xây dựng công trình thuộc chuyên ngành, cụ thể: a) Sở Xây dựng đối với dự án, công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng dân dụng; dự án đầu tư xây dựng khu đô thị, khu nhà ở; dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu chức năng; dự án đầu tư xây dựng công nghiệp nhẹ, công nghiệp vật liệu xây dựng; dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, dự án đầu tư xây dựng công trình đường bộ, cầu đường bộ, hầm đường bộ trong đô thị theo địa giới đô thị xác định tại quy hoạch đô thị (trừ đường quốc lộ qua đô thị); dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông; b) Sở Nông nghiệp và Môi trường đối với dự án, công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn; d) Sở Công Thương đối với dự án, công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công	cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng triển khai sau khi dự án được phê duyệt đối với công trình thuộc chuyên ngành, cụ thể: a) Sở Xây dựng đối với dự án, công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng dân dụng; dự án đầu tư xây dựng khu đô thị, khu nhà ở; dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu chức năng; dự án đầu tư xây dựng công nghiệp nhẹ, công nghiệp vật liệu xây dựng; dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật; dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông; các công trình được Ủy ban nhân dân thành phố giao chủ trì thẩm định dự án đầu tư; b) Sở Nông nghiệp và Môi trường đối với dự án, công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn; các công trình được Ủy ban nhân dân thành phố giao chủ trì thẩm định dự án đầu tư; c) Sở Công Thương đối với dự án, công trình
--	--	---	---

a) Tổ chức thực hiện việc cấp giấy phép xây dựng theo đúng thẩm quyền được phân cấp tại Quy định này, đồng thời có sự phối hợp chặt chẽ về chuyên môn nghiệp vụ với Sở Xây dựng. b) Tiếp nhận thông báo khởi công, kiểm tra, quản lý các công trình (Có giấy phép xây dựng và công trình miễn giấy phép xây dựng) thuộc phạm vi quản lý. Khi phát hiện vi phạm trong hoạt động xây dựng phải kịp thời có văn bản gửi Thanh tra Sở Xây dựng để phối hợp xử lý vi phạm xây dựng theo quy định pháp luật. c) Báo cáo định kỳ 06 tháng, năm và đột xuất về công tác cấp giấy phép xây dựng và quản lý xây dựng trong khu vực thuộc phạm vi quản lý về Sở Xây dựng để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Xây dựng theo quy định. 3. Ủy ban nhân dân cấp huyện a) Tổ chức thực hiện việc	trình xây dựng trên địa bàn tỉnh theo Quy định này và quy định của pháp luật có liên quan. 3. Sở Quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai, Ban Quản lý Khu Công nghệ cao công nghệ sinh học Đồng Nai, Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi báo cáo quy định tại điểm m khoản 2 Điều 3, điểm c khoản 2 Điều 4 Quy định này đến Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Xây dựng theo định kỳ trước ngày 25 tháng 11 hằng năm và khi có yêu cầu báo cáo đột xuất; Sở Xây dựng, Sở Quản lý công trình xây dựng chuyên ngành tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Xây dựng, Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành theo thời gian quy định. 4. Đối với trường hợp dự án gồm nhiều hạng mục/công trình có loại và cấp công trình khác nhau thuộc đối tượng kiểm tra công tác nghiệm thu quy định tại điểm đ khoản 2	trình công nghiệp (trừ dự án, công trình do Sở Xây dựng quản lý quy định tại điểm a khoản này); đ) Ban Quản lý Khu kinh tế đối với các dự án, công trình được đầu tư xây dựng tại khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế được giao quản lý; 2. Giao Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc UBND cấp huyện chủ trì thẩm định đối với các dự án đầu tư xây dựng do UBND cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư là Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị; 3. Các dự án, công trình xây dựng phục vụ quốc phòng, an ninh, thẩm quyền, trình tự thẩm định tổng mức đầu tư xây dựng trong Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, thẩm quyền, trình tự thẩm định, phê duyệt dự toán xây dựng trong thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng,	thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình công nghiệp (trừ dự án, công trình do Sở Xây dựng quản lý quy định tại điểm a khoản này); các công trình được Ủy ban nhân dân thành phố giao chủ trì thẩm định dự án đầu tư; d) Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế đối với các dự án, công trình được đầu tư xây dựng tại khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu kinh tế được giao quản lý (bao gồm công trình hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu kinh tế); 2. Các dự án, công trình xây dựng phục vụ quốc phòng, an ninh, thẩm quyền, trình tự thẩm định tổng mức đầu tư xây dựng trong Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, thẩm quyền, trình tự thẩm định, phê duyệt dự toán xây dựng trong thiết kế xây dựng triển khai sau khi dự án được phê duyệt thực hiện theo quy định của Bộ	
---	---	---	---	--

cấp giấy phép xây dựng theo đúng thẩm quyền được phân cấp tại Quy định này theo sự hướng dẫn nghiệp vụ, chuyên môn của Sở Xây dựng. b) Tiếp nhận thông báo khởi công đối với các công trình và nhà ở riêng lẻ (Có giấy phép xây dựng và công trình miễn giấy phép xây dựng) trên địa bàn hành chính thuộc phạm vi quản lý; đối với công trình được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 10 Quy định này, việc tiếp nhận thông báo khởi công phải kèm theo hồ sơ thiết kế. Phân công trách nhiệm cho Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc theo dõi, quản lý công trình xây dựng sau khi tiếp nhận thông báo khởi công. c) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban ngành liên quan trong việc kiểm tra giám sát việc xây dựng các công trình trên địa bàn quản lý; d) Lập, trình, duyệt các đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng, quy chế quản lý kiến trúc hoặc thiết kế đô thị, làm cơ sở cấp giấy phép	Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP: Khi có công trình yêu cầu kiểm tra về chuyên môn kỹ thuật khác chuyên ngành quản lý của cơ quan chủ trì kiểm tra công tác nghiệm thu, cơ quan quản lý xây dựng chuyên ngành tương ứng cử nhân sự tham gia kiểm tra khi có đề nghị của cơ quan chủ trì kiểm tra. 5. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu phát sinh khó khăn vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh về Sở Xây dựng để được hướng dẫn hoặc tổng hợp báo cáo với Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền./. - Quyết định số 38/2021/QĐ-UBND ngày 29/9/2021: Điều 11. Tổ chức thực hiện 1. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành: Xây dựng, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Ban quản lý	Bộ trưởng Bộ Công an. 4. Các dự án gồm nhiều công trình với nhiều loại và cấp khác nhau, dự án đầu tư xây dựng được phân chia thành các dự án thành phần: a) Đối với dự án gồm nhiều công trình với nhiều loại và cấp khác nhau, thẩm quyền thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng được xác định theo chuyên ngành quản lý quy định tại khoản 1 Điều này đối với công trình chính của dự án hoặc công trình có cấp cao nhất trong trường hợp dự án có nhiều công trình chính. Trường hợp các công trình chính có cùng một cấp, chủ đầu tư được lựa chọn trình thẩm định tại cơ quan chuyên môn về xây dựng theo một công trình chính của dự án, cơ quan thực hiện thẩm định có trách nhiệm lấy ý kiến thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng theo chuyên ngành quản lý quy định tại khoản 1 Điều này đối với các công trình chính còn lại trong quá trình thẩm định;	trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an. 3. Các dự án gồm nhiều công trình với nhiều loại và cấp khác nhau, dự án đầu tư xây dựng được phân chia thành các dự án thành phần: a) Đối với dự án gồm nhiều công trình với nhiều loại và cấp khác nhau, thẩm quyền thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng được xác định theo chuyên ngành quản lý quy định tại khoản 1 Điều này đối với công trình chính của dự án hoặc công trình có cấp cao nhất trong trường hợp dự án có nhiều công trình chính. Trường hợp các công trình chính có cùng một cấp, chủ đầu tư được lựa chọn trình thẩm định tại cơ quan chuyên môn về xây dựng theo một công trình chính của dự án, cơ quan thực hiện thẩm định có trách nhiệm lấy ý kiến thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng theo chuyên ngành quản lý quy định tại khoản 1 Điều này đối với các công trình chính còn lại trong quá	
--	---	---	--	--

xây dựng. đ) Công bố công khai các đồ án quy hoạch xây dựng, quy hoạch lộ giới, hẻm giới; quy chế quản lý kiến trúc hoặc thiết kế đô thị đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; e) Tổ chức phổ biến, tuyên truyền, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân trên địa bàn thực hiện đúng các quy định của nhà nước về cấp phép xây dựng. g) Báo cáo định kỳ 06 tháng, năm và báo cáo đột xuất khi có yêu cầu về công tác cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn về Sở Xây dựng để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Xây dựng. 4. Ủy ban nhân dân cấp xã a) Xác nhận tình trạng nhà, đất có tranh chấp theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng. b) Theo dõi, quản lý công trình xây dựng và thông báo ngay cho cơ quan cấp phép xây dựng hoặc các cơ quan chức năng có liên quan để phối hợp xử lý kịp	Khu kinh tế; Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các xã, phường, thị trấn có trách nhiệm tổ chức phân công cho các đơn vị trực thuộc thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng của Nhà nước, Ủy ban Nhân dân tỉnh và nội dung cụ thể tại Quy định này. 2. Chủ sở hữu, người quản lý và sử dụng công trình nếu không tổ chức thực hiện bảo trì công trình theo Nghị định số 06/2021/NĐ-CP và Quy định này thì tùy theo vào mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. 3. Những nội dung liên quan về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng không quy định tại Quy định này thì được thực hiện theo Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của	b) Đối với dự án đầu tư xây dựng được phân chia thành các dự án thành phần theo quy định thì thẩm quyền thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng được xác định theo chuyên ngành quản lý quy định tại khoản 1 Điều này đối với nhóm của dự án thành phần và cấp của công trình thuộc dự án thành phần. 5. Trường hợp phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc UBND cấp huyện không thực hiện (do vượt quá khả năng hoặc không đủ điều kiện năng lực thực hiện) công tác thẩm định dự án đầu tư xây dựng do UBND cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư thì UBND cấp huyện trình đề nghị Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành thẩm định theo chuyên ngành quản lý được quy định tại khoản 1 Điều này. 6. Cơ quan chủ trì thẩm định dự án đầu tư xây dựng có trách nhiệm lấy ý kiến góp ý của các Sở, ban, ngành và UBND cấp huyện có liên quan. Trong thời hạn 07 ngày đối với dự án	trình thẩm định; b) Đối với dự án đầu tư xây dựng được phân chia thành các dự án thành phần theo quy định thì thẩm quyền thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng được xác định theo chuyên ngành quản lý quy định tại khoản 1 Điều này đối với nhóm của dự án thành phần và cấp của công trình thuộc dự án thành phần. 4. Cơ quan chủ trì thẩm định dự án đầu tư xây dựng có trách nhiệm lấy ý kiến góp ý của các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã có liên quan (nếu có). Trong thời hạn 07 ngày đối với dự án nhóm B trở lên và 05 ngày đối với dự án nhóm C, kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến của cơ quan chủ trì thẩm định, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản góp ý về hồ sơ thẩm định. 5. Trách nhiệm của chủ đầu tư, cơ quan quản lý chuyên ngành về giá tại địa phương đối với nội dung giá thiết bị trong dự án đầu	
---	---	---	--	--

thời các hành vi vi phạm về xây dựng theo quy định của pháp luật.	Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng và các quy định pháp luật khác liên quan hiện hành. 4. Trong quá trình triển khai thực hiện Quy định này, trường hợp cơ quan nhà nước cấp trên ban hành các văn bản có quy định khác nội dung của Quy định này thì thực hiện theo văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên ban hành. Trường hợp có khó khăn, vướng mắc đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan gửi ý kiến về Sở Xây dựng để tổng hợp báo cáo với Ủy ban Nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế và quy định pháp luật hiện hành./.	nhóm B và 05 ngày đối với dự án nhóm C, kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến của cơ quan chủ trì thẩm định, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản góp ý về hồ sơ thẩm định. Nếu quá thời hạn trên mà cơ quan được lấy ý kiến không trả lời bằng văn bản, thì cơ quan chủ trì thẩm định xem như cơ quan được lấy ý kiến đã thông nhất với hồ sơ thẩm định. 7. Trách nhiệm của chủ đầu tư, cơ quan quản lý chuyên ngành về giá tại địa phương đối với nội dung giá thiết bị trong dự án đầu tư xây dựng có đầu tư mua sắm thiết bị sử dụng nguồn vốn đầu tư ngân sách nhà nước, cụ thể: a) Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về việc xác định giá và giá thiết bị trong dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn nhà nước; b) Các Sở, ngành và cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực có trách nhiệm phối hợp cho ý kiến thông tin về giá thiết bị đặc thù thuộc ngành, lĩnh vực mình quản	tư xây dựng có đầu tư mua sắm thiết bị sử dụng nguồn vốn đầu tư ngân sách nhà nước, cụ thể: a) Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về việc xác định giá và giá thiết bị trong dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn nhà nước; b) Các Sở, ngành và cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực có trách nhiệm phối hợp cho ý kiến thông tin về giá thiết bị đặc thù thuộc ngành, lĩnh vực mình quản lý để làm căn cứ xác định giá thiết bị (trong trường hợp cần thiết); c) Đối với dự án đầu tư xây dựng thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, giao Sở Tài chính phối hợp cho ý kiến chuyên môn đối với Chứng thư thẩm định giá do các công ty, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ tư vấn thẩm định giá phát hành theo quy định (theo đề nghị của cơ quan chuyên môn về xây dựng (nếu có));	
--	---	---	---	--

		lý để làm căn cứ xác định giá thiết bị (trong trường hợp cần thiết); c) Đối với dự án đầu tư xây dựng thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch UBND tỉnh, giao Sở Tài chính phối hợp cho ý kiến chuyên môn đối với Chứng thư thẩm định giá do các công ty, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ tư vấn thẩm định giá phát hành theo quy định (theo đề nghị của cơ quan chuyên môn về xây dựng (nếu có)); d) Đối với dự án đầu tư xây dựng do Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư, Phòng có chức năng quản lý tài chính - ngân sách thuộc UBND thị xã, UBND thành phố, UBND huyện là Phòng Tài chính - Kế hoạch cho ý kiến chuyên môn đối với Chứng thư thẩm định giá do các công ty, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ tư vấn thẩm định giá phát hành theo quy định (theo đề nghị của phòng có chức năng quản lý về xây dựng (nếu có)). 8. Ủy quyền phê duyệt		
--	--	---	--	--

		Quyết định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình cho: Giám đốc các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành và Trưởng ban Quản lý Khu kinh tế quy định tại khoản 1 Điều này phê duyệt dự án chỉ yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư xây dựng của Chủ tịch UBND tỉnh. 9. Giao việc thực hiện pháp luật trong các lĩnh vực quản lý nhà nước ngành Xây dựng trên địa bàn tỉnh theo quy định tại b khoản 2 Điều 13 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng: a) Sở Xây dựng đối với các Sở, ngành, cơ quan tổ chức có liên quan trên địa bàn tỉnh; b) UBND cấp huyện đối với các cơ quan tổ chức có liên quan trên địa bàn quản lý. 10. Sở Xây dựng chịu trách		
--	--	--	--	--

		nhiệm trước UBND tỉnh thực hiện thống nhất quản lý nhà nước về những nội thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy định này. Hướng dẫn, kiểm tra các Sở, ngành, cơ quan tổ chức có liên quan thực hiện Quy định này.		
Không quy định chuyển tiếp	- Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND ngày 01/4/2022: Điều 7. Quy định chuyển tiếp 1. Dự án, công trình đã được tiếp nhận hồ sơ trước ngày Quy định này có hiệu lực mà cơ quan thực hiện chưa thông báo kết quả cho chủ đầu tư thì được tiếp tục thực hiện theo các quy định hoặc văn bản về phân công, phân cấp, ủy quyền liên quan nội dung quản lý chất lượng công trình xây dựng đã có trước ngày Quy định này có hiệu lực. 2. Đối với trường hợp dự án đầu tư xây dựng đã được phê duyệt trước ngày Quy định này có hiệu lực thi hành mà việc điều chỉnh dự án/thiết kế làm thay đổi cấp công trình thuộc dự án thì trách nhiệm quản lý nhà	Điều 18. Quy định chuyển tiếp 1. Dự án đầu tư xây dựng đã được phê duyệt trước ngày Quy định này có hiệu lực thi hành thì không phải phê duyệt lại, các hoạt động tiếp theo chưa được thực hiện thì thực hiện theo quy định của Quyết định này và các quy định khác có liên quan. 2. Công trình thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở, dự toán xây dựng công trình, hạng mục công trình của dự án đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thông báo kết quả thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì không phải thẩm định lại, việc thực hiện các bước tiếp theo thực hiện	Điều 22. Quy định chuyển tiếp 1. Dự án đầu tư xây dựng đã được phê duyệt trước ngày Quy định này có hiệu lực thi hành thì không phải phê duyệt lại, các hoạt động tiếp theo chưa được thực hiện thì thực hiện theo quy định của Quyết định này và các quy định khác có liên quan. 2. Công trình thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở, dự toán xây dựng công trình, hạng mục công trình của dự án đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thông báo kết quả thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì không phải thẩm định lại, việc thực hiện các bước tiếp theo thực hiện	Kế thừa nội dung quy định tại Điều 18 Quyết định số 22/2025/QĐ-UBND ngày 09/5/2025 và điều chỉnh bỏ nội dung quy định tại khoản 3.

	nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh được thực hiện theo Quy định này. 3. Khi các văn bản pháp luật được viện dẫn để áp dụng Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó. - Quyết định số 38/2021/QĐ-UBND ngày 29/9/2021: Điều 10. Quy định chuyển tiếp 1. Công trình xây dựng đang thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu thì tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 03/2017/QĐ-UBND ngày 20 tháng 01 năm 2017 của Ủy ban Nhân dân tỉnh ban hành quy định về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Phước và Quyết định số 25/2020/QĐ-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Ủy ban Nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều	theo quy định của Quyết định này và các quy định khác có liên quan. 3. Đối với trường hợp lô đất hình thành trước khi Quyết định này có hiệu lực thi hành thì lô đất đủ điều kiện để cấp giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ trong các khu dân cư hiện hữu chính trang áp dụng trong quy định này là lô đất có diện tích xây dựng không nhỏ hơn 36m² (không tính phần diện tích hạn chế sử dụng), đồng thời phải bảo đảm chiều rộng mặt tiền không nhỏ hơn 3,5m và chiều sâu vuông góc so với chỉ giới xây dựng không nhỏ hơn 5m.	theo quy định của Quyết định này và các quy định khác có liên quan. 3. Đối với dự án, công trình đã được tiếp nhận hồ sơ trước ngày Quy định này có hiệu lực mà cơ quan thực hiện vẫn chưa xem xét, giải quyết cho chủ đầu tư thì việc thực hiện được tiếp tục thực hiện theo các quy định tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ.	
--	--	--	---	--

	của Quy định về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Phước ban hành kèm theo Quyết định số 03/2017/QĐ-UBND ngày 20/01/2017 của Ủy ban Nhân dân tỉnh. 2. Công trình xây dựng đã khởi công nhưng kiểm tra công tác nghiệm thu sau ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì thực hiện như sau: a) Công trình thuộc đối tượng kiểm tra công tác nghiệm thu theo quy định tại Quyết định số 03/2017/QĐ-UBND ngày 20 tháng 01 năm 2017 của Ủy ban Nhân dân tỉnh ban hành quy định về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Phước và Quyết định số 25/2020/QĐ-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Ủy ban Nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Quy định về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Phước ban hành kèm theo Quyết định số 03/2017/QĐ-UBND ngày			
--	--	--	--	--

	20/01/2017 của Ủy ban Nhân dân tỉnh nhưng không thuộc đối tượng kiểm tra công tác nghiệm thu theo Quy định này thì không kiểm tra công tác nghiệm thu. Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào khai thác, sử dụng theo Quy định này và pháp luật liên quan, báo cáo kết quả thực hiện đến cơ quan chuyên môn về xây dựng theo phân cấp để theo dõi. b) Công trình xây dựng thuộc đối tượng kiểm tra công tác nghiệm thu theo quy định của Quy định này thì thực hiện theo Quy định này.			
- Quyết định số 47/2021/QĐ-UBND ngày 26/10/2021: Điều 10. Tổ chức thực hiện Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Giao thông vận tải, Công Thương, Thông tin và Truyền thông, Nông nghiệp	- Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND ngày 01/4/2022: Điều 8. Trách nhiệm tổ chức thực hiện 1. Thủ trưởng Sở Xây dựng, Sở Quản lý công trình xây dựng chuyên ngành; Trưởng các Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai, Ban Quản lý Khu Công nghệ	Điều 19. Tổ chức thực hiện 1. Các Sở: Công Thương, Nông nghiệp và Môi trường, Ban Quản lý Khu kinh tế, UBND cấp huyện, định kỳ báo cáo kết quả thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình, cấp giấy phép xây dựng tự về Sở Xây dựng để tổng hợp, theo dõi và báo cáo cơ quan có thẩm quyền theo hướng dẫn	Điều 23. Tổ chức thực hiện 1. Sở Xây dựng chịu trách nhiệm tổ chức triển khai, hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện Quy định này. 2. Các Sở: Công Thương, Nông nghiệp và Môi trường, Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế, Ủy ban nhân dân cấp xã, định kỳ báo cáo kết quả thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình, cấp giấy	Kế thừa nội dung quy định tại Điều 18 Quyết định số 22/2025/QĐ-UBND ngày 09/5/2025 và điều chỉnh lại các Sở ban ngành và UBND cấp xã khi thực hiện chính quyền 02 cấp từ 01/7/2025 điều chỉnh, bổ sung các quy định pháp luật hiện hành.

và Phát triển nông thôn; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa; các xã, phường, thị trấn thuộc tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. - Quyết định số 55/2021/QĐ-UBND ngày 01/12/2021 và Quyết định số 14/2023/QĐ-UBND ngày 06/4/2023: Điều 14. Tổ chức thực hiện 1. Sở Xây dựng chịu trách nhiệm tổ chức triển khai, hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện Quy định này. 2. Khi các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó. 3. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Sở Xây dựng để hướng dẫn giải quyết. Trường hợp vượt thẩm quyền, Sở Xây	cao công nghệ sinh học Đồng Nai; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Trưởng Phòng được giao quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh theo quy định của Nhà nước và Quy định này. 2. Trong phạm vi biên chế và kinh phí được giao hàng năm, Thủ trưởng Sở Xây dựng, Sở Quản lý công trình xây dựng chuyên ngành; Trưởng các Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai, Ban Quản lý Khu Công nghệ cao công nghệ sinh học Đồng Nai; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Thủ trưởng các phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm bố trí nguồn lực, củng cố tổ chức, phân công nhiệm vụ cho các đơn vị, cá nhân trực thuộc thực hiện công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh theo Quy định này và quy định của pháp luật có	của Bộ Xây dựng. 2. Các nội dung khác không được quy định tại Quy định này thì thực hiện theo Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020; Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng và các quy định khác có liên quan. 3. Những quy định về nội dung liên quan đến giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh trái với quy định này đều bãi bỏ. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các cơ quan, tổ chức gửi ý kiến về Sở Xây dựng để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét sửa	phép xây dựng về Sở Xây dựng để tổng hợp, theo dõi và báo cáo cơ quan có thẩm quyền theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng. 3. Các nội dung khác không được quy định tại Quy định này thì thực hiện theo Luật Xây dựng năm 2025; Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ năm 2024; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng và các quy định khác có liên quan; Nghị định số 217/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ về hoạt động kiểm tra chuyên ngành; Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; Nghị định số 145/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong	
--	--	---	---	--

dựng tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét xử lý hoặc sửa đổi, bổ sung Quy định này cho phù hợp./. - Quyết định số 61/2020/QĐ-UBND ngày 30/12/2020. Điều 18. Tổ chức thực hiện 1. Sở Xây dựng chịu trách nhiệm tổ chức triển khai, hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện Quy định này. 2. Khi các văn bản quy phạm pháp luật đã trích dẫn để áp dụng Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó. 3. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Sở Xây dựng để được hướng dẫn giải quyết. Trường hợp vượt thẩm quyền, Sở Xây dựng tổng hợp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét xử lý hoặc sửa đổi, bổ sung Quy định này cho phù hợp./.	liên quan. 3. Sở Quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai, Ban Quản lý Khu Công nghệ cao công nghệ sinh học Đồng Nai, Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi báo cáo quy định tại điểm m khoản 1 Điều 3, điểm c khoản 2 Điều 4, điểm c khoản 2 Điều 4 Quy định này đến Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Xây dựng theo định kỳ trước ngày 25 tháng 11 hằng năm và khi có yêu cầu báo cáo đột xuất; Sở Xây dựng, Sở Quản lý công trình xây dựng chuyên ngành tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Xây dựng, Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành theo thời gian quy định. 4. Đối với trường hợp dự án gồm nhiều hạng mục/công trình có loại và cấp công trình khác nhau thuộc đối tượng kiểm tra công tác nghiệm thu quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP: Khi có công trình yêu cầu kiểm tra	đổi, bổ sung cho phù hợp./.	lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn; Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 212/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định về điều kiện năng lực hoạt động xây dựng, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng; Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; Thông tư 39/2026/TT-BXD ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung chi tiết trong Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về	
---	---	------------------------------------	---	--

	về chuyên môn kỹ thuật khác chuyên ngành quản lý của cơ quan chủ trì kiểm tra công tác nghiệm thu, cơ quan quản lý xây dựng chuyên ngành tương ứng cử nhân sự tham gia kiểm tra khi có đề nghị của cơ quan chủ trì kiểm tra. 5. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu phát sinh khó khăn vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh về Sở Xây dựng để được hướng dẫn hoặc tổng hợp báo cáo với Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền./. - Quyết định số 38/2021/QĐ-UBND ngày 29/9/2021: Điều 11. Tổ chức thực hiện 1. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành: Xây dựng, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Ban quản lý Khu kinh tế; Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các xã, phường, thị trấn có trách		hoạt động xây dựng. 4. Khi các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các cơ quan, tổ chức gửi ý kiến về Sở Xây dựng để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.	
--	---	--	--	--

	nhiệm tổ chức phân công cho các đơn vị trực thuộc thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng của Nhà nước, Ủy ban Nhân dân tỉnh và nội dung cụ thể tại Quy định này. 2. Chủ sở hữu, người quản lý và sử dụng công trình nếu không tổ chức thực hiện bảo trì công trình theo Nghị định số 06/2021/NĐ-CP và Quy định này thì tùy theo vào mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. 3. Những nội dung liên quan về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng không quy định tại Quy định này thì được thực hiện theo Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng và các quy định pháp luật khác liên quan hiện hành.			
--	--	--	--	--

	4. Trong quá trình triển khai thực hiện Quy định này, trường hợp cơ quan nhà nước cấp trên ban hành các văn bản có quy định khác nội dung của Quy định này thì thực hiện theo văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên ban hành. Trường hợp có khó khăn, vướng mắc đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan gửi ý kiến về Sở Xây dựng để tổng hợp báo cáo với Ủy ban Nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế và quy định pháp luật hiện			
--	--	--	--	--